



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020





MỤC LỤC

01 THÔNG TIN CHUNG

23 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

35 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

53 BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

61 BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

67 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

73 QUẢN TRỊ CÔNG TY

79 BÁO CÁO TÀI CHÍNH



THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức

Công ty con, công ty liên kết

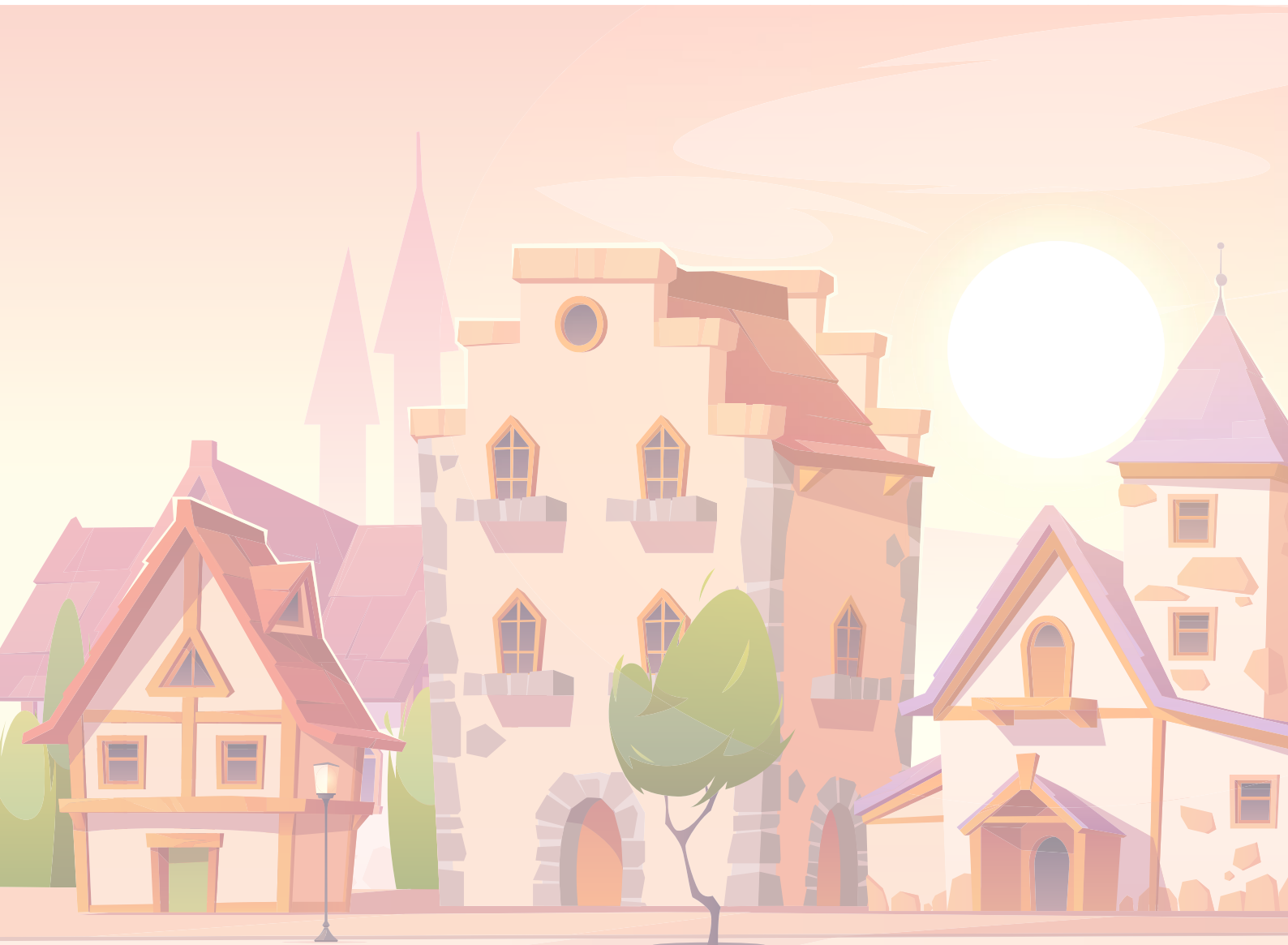
Định hướng phát triển

Các nhân tố rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

| | | |
|--|---|---|
| Tên công ty | : | CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH |
| Tên tiếng anh | : | BOOK AND EDUCATIONAL EQUIPMENT JOINT STOCK COMPANY OF HO CHI MINH CITY |
| Tên viết tắt | : | STB JSC |
| Giấy CNĐKDN số | : | 0301325347 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04/07/2006 và thay đổi lần thứ 12 ngày 18/10/2017 |
| Vốn điều lệ | : | 56.655.300.000 đồng |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu ngày 31/12/2020 | : | 123.660.047.919 đồng |



Địa chỉ : 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại : (028) 3855 4645

Số fax : (028) 3856 4307

Email : lienhe@stb.com.vn

Website : <https://www.stb.com.vn>

Mã cổ phiếu : STC

Sàn chứng khoán : HNX



ISO 9001 : 2015





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Quá trình hình thành và phát triển

1984

Tiền thân của Công ty là Công ty Sách và Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh, do Phòng Phát hành - Thư viện và Trung tâm thiết bị trường học thuộc Sở giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh hợp nhất thành.

1993

Ngày 12/03/1993, Công ty Sách và Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh được chuyển thành doanh nghiệp Nhà nước. Lúc bấy giờ, Công ty thuộc UBND Thành phố Hồ Chí Minh (Sở Giáo dục và Đào tạo) và hạch toán kinh tế độc lập.

2001

Công ty Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện sáp nhập 02 xí nghiệp là Xí nghiệp Học cụ và Xí nghiệp In chuyên dùng, Công ty có thêm chức năng và nghiệp vụ của 02 xí nghiệp trên.

2020

Công ty tiếp tục trở thành một trong các đơn vị xuất sắc tiêu biểu và nằm trong top 5 của hệ thống Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam

2019

Công ty nỗ lực nâng cao năng lực sản xuất - kinh doanh, tiếp tục trở thành một trong những đơn vị đối tác xuất sắc của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam.

2017

Công ty thực hiện thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần 12, thay đổi người đại diện pháp luật từ Ông Trần Văn Hưng và Ông Từ Trung Đan sang Ông Từ Trung Đan.





2005

Công ty Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu thực hiện cổ phần hoá theo Quyết định số 131/2005/QĐ-TTg ngày 02/06/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh phương án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

2006

Công ty Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh trở thành công ty con của Nhà xuất bản Giáo dục (trực thuộc Bộ Giáo dục Đào tạo) theo Quyết định số 4336/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục Đào tạo, sau đó chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.



2016

Công ty thực hiện thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 10, thay đổi người đại diện theo pháp luật từ Ông Trần Văn Hưng sang Ông Trần Văn Hưng và Ông Từ Trung Đan.

2015

Công ty thực hiện thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần 7, thay đổi người đại diện pháp luật từ Ông Ngô Trần Vinh sang Ông Trần Văn Hưng.

2008

Công ty thực hiện thay đổi giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 2 để bổ sung vốn điều lệ từ 28.800.000.000 đồng thành 56.655.300.000 đồng.





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Các thành tích trong quá trình hoạt động

1983 Huân chương lao động hạng Ba do Nhà Nước trao tặng.

1988 Huân chương lao động hạng Nhì do Nhà Nước trao tặng.

1996 Huân chương lao động hạng Nhất do Nhà Nước trao tặng.

2000 Công ty được bình chọn “Hàng Việt Nam chất lượng cao” do báo Sài Gòn Tiếp Thị tổ chức.

2006 Huân chương lao động hạng Ba do Nhà Nước trao tặng.

2007 Huân chương lao động hạng Nhì do Nhà Nước trao tặng.

2008 Huân chương lao động hạng Nhất do Nhà Nước trao tặng.

2009

- Tháng 6/2009, Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh được cấp “Giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 / ISO 9001: 2008.
- Công ty đã nhận bằng khen của Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh số 3149/QĐUB, ngày 26/6/2009: Đơn vị đã có thành tích xuất sắc trong công tác tổ chức, tham gia ngày “Hội phát triển Giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh năm 2009”.
- Tháng 10/2009: Công ty đạt giải thưởng – danh hiệu “Doanh nghiệp tiêu biểu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội năm 2009”, do: Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và Báo Đầu Tư Chứng Khoán cùng phối hợp tổ chức bầu chọn.
- Nhận bằng khen của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo tặng Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh đã đạt thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ năm 2009, quyết định số 1592/QĐ-BGDĐT ngày 27/4/2010.

2010

- Tháng 6/2010, nhận bằng khen của UBND Thành phố Hồ Chí Minh về đạt thành tích tốt trong tham gia “Ngày hội Giáo Dục phát triển Thành phố Hồ Chí Minh năm 2010”.
- Thủ tướng Chính phủ tặng thưởng bằng khen cho tập thể Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam, Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, đã có nhiều thành tích trong công tác, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, quyết định số 2096/QĐ-TT ngày 18/11/2010.



- Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam tặng cúp “Đơn vị xuất sắc của NXB Giáo Dục Việt Nam” và khen thưởng theo quyết định số 13/QĐ-TCNS ngày 12/01/2011 cho Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc trong hệ thống NXB Giáo Dục Việt Nam năm 2010.
- Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam công nhận, khen thưởng và tặng cờ thi đua danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc năm 2010” cho Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 18/QĐ-TCNS ngày 13/01/2011.
- Ngày 28/4/2011, Trung tâm Kỹ Thuật Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng 1 – Tổng Cục Tiêu Chuẩn Đo Lường Chất Lượng cấp “ Giấy Chứng Nhận Phù Hợp Quy Chuẩn Kỹ Thuật” (tem CR trên sản phẩm) số: 0126 cho Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh.

2011

- Theo giấy chứng nhận, Công ty được phép sản xuất “Đồ chơi trẻ em” bằng gỗ, nhựa và vải phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 3:2009/BKCN, có giá trị 36 tháng kể từ ngày 28/4/2011 đến 28/4/2014.
- Ngày 26/10/2011, Trung tâm Khoa Học Thẩm Định Tín Nhiệm Doanh Nghiệp – Liên Hiệp Các Hội Khoa Học Và Kỹ Thuật Việt Nam cấp “Chứng Thư Thẩm Định Tín Nhiệm Doanh Nghiệp Năm 2011” số: CRC 031/TNDN.2011/V.01 cho Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh, thời hạn 2 năm kể từ khi được cấp Chứng thư.
- Tháng 12 năm 2011, Trung tâm Thông Tin Tín Dụng – Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam đã xếp hạng tín dụng doanh nghiệp năm 2011 và bầu chọn Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp trong “Top 1.000 doanh nghiệp năm 2011”.
- Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam tặng cúp đơn vị xuất sắc của NXBGDVN cho Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh cho đơn vị đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc trong hệ thống NXBGDVN năm 2011, quyết định số 21/QĐ-TCNS ngày 11/01/2012.

2012

- Tháng 10 năm 2012, Trung tâm Thông Tin Tín Dụng – Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam đã xếp hạng tín dụng doanh nghiệp năm 2012 và bầu chọn Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp trong “Top 1.000 doanh nghiệp năm 2012”.
- Ngày 26/11/2012, Viện Doanh Nghiệp Việt Nam – Trung Tâm Đánh Giá Chỉ Số Tín Nhiệm Doanh Nghiệp cấp Chứng nhận Chỉ số tín nhiệm “Trusted Quality Supplier – Nhà cung cấp Chất lượng 2012”, mã hồ sơ: 0230/TQS/2012 cho Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Các thành tích trong quá trình hoạt động

- 2013**
- Ngày 07/01/2013, Trung tâm Khoa Học Thẩm Định Tín Nhiệm Doanh Nghiệp – Liên Hiệp Các Hội Khoa Học Và Kỹ Thuật Việt Nam cấp “Chứng Thư Thẩm Định Tín Nhiệm Doanh Nghiệp Năm 2012” số: CRC 106/TNDN.2012/V.01 cho Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam tặng cúp đơn vị xuất sắc của NXBGDVN cho Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh, đơn vị đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc trong hệ thống NXBGDVN năm 2012, quyết định số 86/QĐ-TCNS ngày 21/01/2013.
 - Nhận bằng khen của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo tặng Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh đã có thành tích xuất sắc tiêu biểu trong việc thực hiện nhiệm vụ phát hành sách năm 2012, ghi sổ bằng khen số 801/QĐ-BGDĐT ngày 01/3/2013.
 - Ngày 12/7/2013, Viện Doanh Nghiệp Việt Nam – Trung Tâm Đánh Giá Chỉ Số Tín Nhiệm Doanh Nghiệp cấp Chứng nhận Chỉ số tín nhiệm “Trusted Quality Supplier – Nhà cung cấp Chất lượng 2013”, mã hồ sơ: 13-0105/TQS cho Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh.
- 2014**
- Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng tặng cúp đơn vị xuất sắc trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam năm 2013 cho Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định số 28/QĐ-TCNS ngày 13/01/2014.
 - Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng và tặng Cờ thi đua cho Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc năm 2013, quyết định số 33/QĐ-TCNS ngày 13/01/2014.
 - Ngày 22/9/2014, Viện Doanh Nghiệp Việt Nam – Trung Tâm Đánh Giá Chỉ Số Tín Nhiệm Doanh Nghiệp cấp Chứng nhận Chỉ số tín nhiệm “Trusted Quality Supplier – Nhà cung cấp Chất lượng 2014”, mã hồ sơ: 082/TQS/2014 cho Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh.
 - Ngày 20/10/2014, Viện Nghiên Cứu Kinh Tế cấp Chứng Nhận Đánh Giá Quốc Tế Độc Lập cho Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh là DOANH NGHIỆP CHẤT LƯỢNG Qmix 100:2014, mã công nhận/ Global GTA business code: 0301325347.

- Chủ tịch nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huân chương Lao động hạng nhì cho Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo Quyết định số 3434/QĐ-CTN ngày 25 tháng 12 năm 2014.
- Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng và tặng Cúp đặc biệt xuất sắc cho đơn vị đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc toàn diện, một trong ba đơn vị dẫn đầu trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam năm 2014 theo Quyết định số 82/QĐ-TCNS ngày 20/01/2015.

2015

- Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen đạt thành tích xuất sắc tiêu biểu trong việc thực hiện nhiệm vụ phát hành sách, thiết bị giáo dục và thư viện trường học năm 2014 theo Quyết định số 870/QĐ-BGDĐT ngày 24/3/2015.
- Ngày 09/10/2015, Phòng Công nghiệp và Thương Mại Việt Nam – Trung tâm Văn Hóa Doanh Nhân cấp Chứng nhận số 44/2015-DNMPTBV cho Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh đạt “Doanh nghiệp mạnh và Phát triển bền vững năm 2015”.

- Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” năm 2015 theo quyết định số: 39/QĐ-TCNS ngày 18 tháng 01 năm 2016.

- Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam tặng “Cúp đặc biệt xuất sắc” do đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc toàn diện năm 2015.

2016

- Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác phát hành sách, thiết bị trường học năm 2015 theo Quyết định số 748/QĐ-BGDĐT ngày 11/3/2016.

- Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” năm 2016 theo quyết định số: 31/QĐ-TCNS ngày 12 tháng 01 năm 2017.

2017

- Là một trong ba đơn vị được Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam tặng “Cúp đặc biệt xuất sắc” do đạt hiệu quả kinh doanh xuất sắc toàn diện, dẫn đầu trong hệ thống Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam năm 2016”

2018

- Nhà xuất bản Giáo Dục Việt Nam khen thưởng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” năm 2018 theo quyết định số: Số 65/QĐ-NXBGDVN ngày 15/01/2019.

- Cờ thi đua của NXBGDVN cho đơn vị đạt hiệu quả sản xuất - kinh doanh xuất sắc tiêu biểu năm 2019.(QĐ 56/QĐNXBGDVN ngày 06/1/2020).

2019

- Bằng khen của Chủ tịch UBND TP.Hồ Chí Minh, QĐ 2209/QĐUB ngày 27/5/2019.
- Huân chương lao động hạng Nhì của Chủ tịch nước CHDCND Lào. (QĐ số 335/CTN ngày 11/11/2019)

- Nhà Xuất Bản Giáo dục Việt Nam khen thưởng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc năm 2020” theo Quyết định số 36/QĐ-NXBGDVN ngày 12/02/2021

2020

- Bằng khen của Bộ giáo dục và Đào tạo theo Quyết định số 1126/QĐ-BGDĐT ngày 11/05/2020



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học
- Mua bán Sách giáo khoa. Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em. (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In ấn sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường. In nhãn hiệu, bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở, trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội);
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất độc hại);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính);
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

Địa bàn kinh doanh

Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Bình Thuận, An Giang, Tây Ninh, Đồng Nai, Tiền Giang...



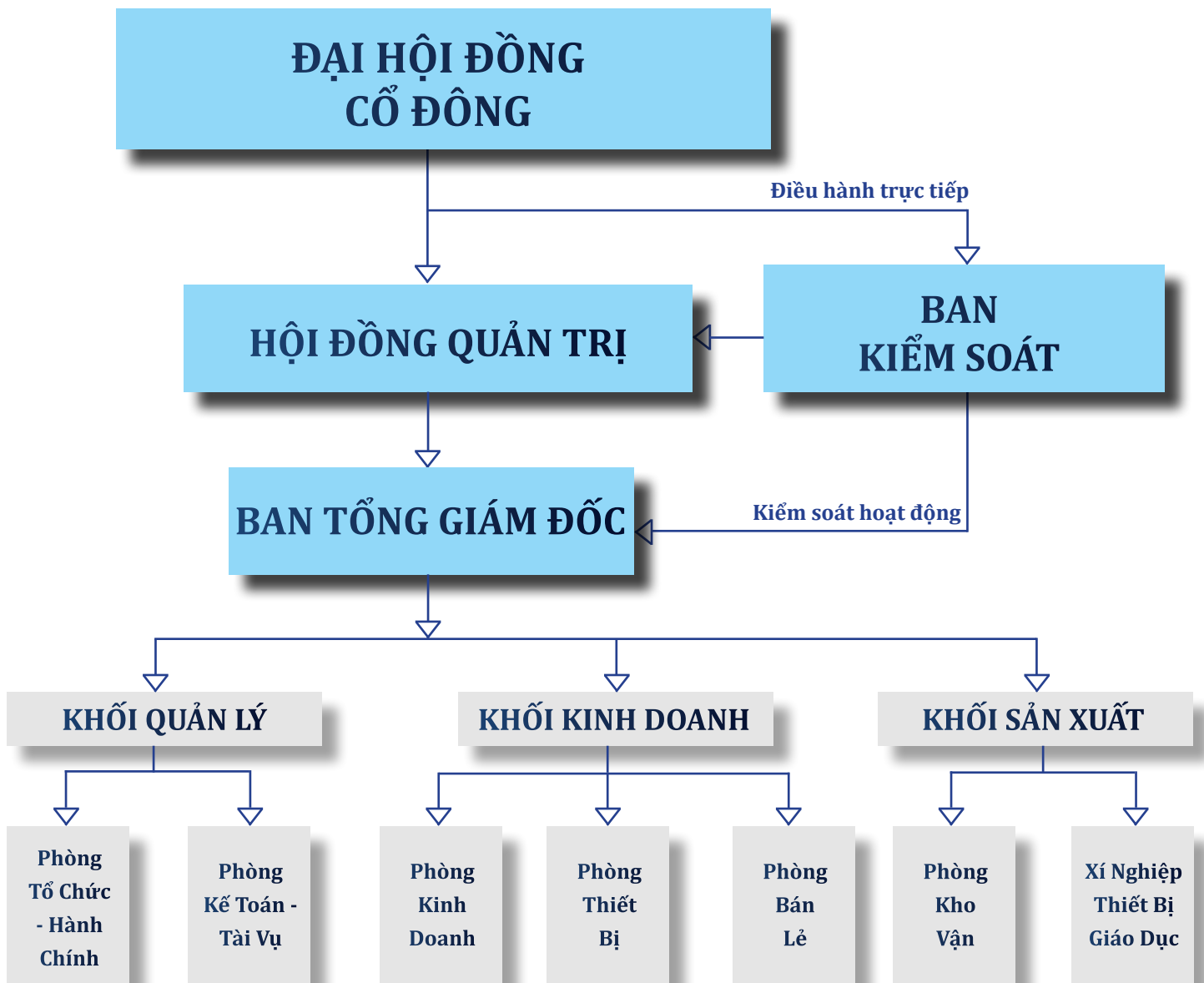


MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC

Mô hình quản trị

Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, hiện nay mô hình quản trị của Công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học thành phố Hồ Chí Minh được tổ chức theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan với mô hình bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc



Công ty con, công ty liên kết

| Tên công ty | Vốn góp (Tỷ đồng) | %Vốn điều lệ |
|----------------------------------|-------------------|--------------|
| Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông | 5,230 | 52,77% |

Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông

Địa chỉ: 780 Nguyễn Kiệm, quận Phú Nhuận, TP.HCM

Vốn điều lệ thực góp: 5,230 tỷ đồng

Tỷ lệ góp vốn của STC: 52,77%

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Chuyên về giáo dục và giảng dạy, đã thành lập trường THCS – THPT Quang Trung Nguyễn Huệ.





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Luôn hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Hoàn thiện và phát triển các sản phẩm thiết bị dạy học và các sản phẩm giáo dục khác để kịp thời cung ứng ra thị trường.
- Đầu tư và trang bị máy móc thiết bị, cải tạo nhà xưởng, hoàn thiện quy trình sản xuất nhằm nâng cao năng lực sản xuất. Bên cạnh đó, Công ty thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ nhân viên và cán bộ quản lý.
- Tiếp tục thực hiện các hoạt động có ý nghĩa tích cực đối với môi trường, cộng đồng, xã hội, đồng thời thực hiện tốt nhiệm vụ công ích và phối hợp tổ chức các hoạt động hỗ trợ, nâng cao chất lượng dạy và học.

Trong sản xuất

- Nâng cao chất lượng sản phẩm: Đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất, đầu tư máy móc, thiết bị mới.
- Tăng cường rà soát và cải tiến chất lượng, mẫu mã sản phẩm công ty sản xuất. Cụ thể, tăng cường dần năng lực sản xuất các mặt hàng thiết bị và đồ dùng dạy học, đồ chơi nhà trẻ - mẫu giáo trong nhà và ngoài trời để đáp ứng nhu cầu của thị trường.
- Sửa chữa, chỉnh trang lại các chi nhánh và cửa hàng, đồng thời đa dạng hóa các sản phẩm và đẩy mạnh kinh doanh các trang thiết bị nội thất trong nhà trường, đồ chơi mẫu giáo, hướng đến các sản phẩm kích thích phát triển tư duy của trẻ, lồng ghép vừa học vừa chơi.

Trong kinh doanh

- Duy trì mối quan hệ hợp tác tốt với các đối tác: Công ty luôn cố gắng cung ứng đầy đủ các thiết bị giáo dục và các sản phẩm giáo dục khác đến các cơ sở giáo dục và hệ thống đại lý của Công ty.
- Tiếp tục mở rộng thị phần bán lẻ: Tăng cường khâu bán lẻ bằng cách phát triển hệ thống cửa hàng, bắt đầu từ thị trường thành phố Hồ Chí Minh mở rộng ra các nơi trên lãnh thổ Việt Nam, kết hợp tự kinh doanh với liên kết cùng các đối tác ở các tỉnh khác làm đại lý phân phối. Ngoài ra, Công ty thường xuyên nghiên cứu các chiến lược kinh doanh mới, phù hợp với thị hiếu của thị trường nhằm tăng doanh thu, tạo thêm việc làm, đảm bảo đời sống cho người lao động và lợi ích của cổ đông.
- Đẩy mạnh hoạt động bán hàng: Bên cạnh các cửa hàng bán lẻ truyền thống, Công ty tích cực đẩy mạnh hoạt động bán hàng Online, làm mới trang web của công ty, tăng cường bán hàng qua mạng internet.

Phát triển văn hóa Công ty

- Tận dụng và phát huy tối đa thế mạnh sẵn có từ nhiều năm qua của đơn vị như: lượng khách hàng truyền thống, mối quan hệ tốt đẹp với các trường, phòng giáo dục... để tạo nên nét đặc thù riêng của Công ty.
- Tích cực tham gia các hoạt động giúp thúc đẩy sự phát triển chung của xã hội, đặc biệt là các hoạt động liên quan đến giáo dục.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu phát triển bền vững

Đối với xã hội và công cộng

- Cam kết cung cấp các sản phẩm, dịch vụ an toàn, chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn an toàn.
- Đảm bảo hoạt động kinh doanh phát triển bền vững, lâu dài, tạo việc làm ổn định và nâng cao thu nhập cho Người lao động, giúp Người lao động có cuộc sống ổn định và an tâm công tác.
- Tích cực tham gia vào các hoạt động tình nguyện và thúc đẩy tư duy hướng tới phát triển bền vững, đồng thời khuyến khích, động viên người lao động và các bên hữu quan tham gia cùng.

Đối với môi trường

Công ty luôn tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, đồng thời có các biện pháp cụ thể nhằm tăng cường kiểm soát, quản lý chặt chẽ các hoạt động sản xuất, tiêu thụ, giảm thiểu tác động tới môi trường:

- Sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên như năng lượng, nước sinh hoạt, tránh lạm dụng, lãng phí.
- Đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm có chất lượng cao, bền, để sử dụng lâu dài, tiết kiệm chi phí cho khách hàng, đặc biệt là các sản phẩm bàn, ghế,... hỗ trợ cho các trường học trong việc dạy học.
- Đề cao việc sử dụng các sản phẩm thân thiện, không gây ô nhiễm môi trường.
- Tuyên truyền, đào tạo các kiến thức về bảo vệ môi trường; nâng cao tư duy, nhận thức về bảo vệ môi trường cho nhân viên; khuyến khích toàn thể nhân viên tái sử dụng trong quá trình làm việc, sản xuất.





CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Rủi ro kinh tế

- Rủi ro kinh tế đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp có thể xuất phát từ tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự gia tăng của chỉ số giá tiêu dùng (CPI), tỷ lệ lạm phát, sự biến động về lãi suất... Tốc độ tăng trưởng kinh tế được xem là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế nên hoạt động kinh doanh của STC luôn gắn liền với yếu tố này.
- So với những diễn biến phức tạp trong cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung năm 2019, một lần nữa nền kinh tế thế giới tiếp tục lao đao trước tình hình dịch Covid-19. Cũng như tất cả các lĩnh vực khác, giáo dục ở tất cả các cấp đều bị ảnh hưởng do thực hiện giãn cách xã hội, thời gian giảng dạy bị rút ngắn.
- Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, kinh tế Việt Nam kết thúc năm 2020 đã đạt con số tăng trưởng dương với mức tăng 2,91%, tuy là mức tăng thấp nhất trong giai đoạn 2011 – 2020 nhưng đây là một thành công lớn khi nền kinh tế nước ta không rơi vào tình trạng tăng trưởng âm bất chấp một số khó khăn do dịch Covid-19. Thêm vào đó, chỉ số giá tiêu dùng và lạm phát bình quân năm 2020 cũng được kiểm soát chặt chẽ, tăng lần lượt là 3,23% và 2,31%.
- Hoạt động chủ yếu của Công ty là sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học, phát hành sách giáo khoa, sách tham khảo các loại và các sản phẩm giáo dục khác qua hệ thống phân phối chính là các cơ sở giáo dục, các công ty sách địa phương và các đại lý có hệ thống nhà sách lớn. Đây là ngành được xã hội và Nhà nước quan tâm, hỗ trợ và yêu cầu cao về chất lượng.



Rủ ro cạnh tranh

- Về mảng phát hành sách: Công ty là đơn vị phát hành nên sẽ khó cạnh tranh với các đơn vị trực tiếp in ấn và cung ứng.
- Về mảng thiết bị giáo dục: Hiện nay, thiết bị được sản xuất theo chương trình giáo dục phổ thông 2018. Về lĩnh vực sản xuất và cung ứng thiết bị giáo dục, hiện nay trên thị trường có nhiều đơn vị cùng tham gia cung ứng nên sự cạnh tranh ngày càng gay gắt. Tuy nhiên, điều này vừa là khó khăn vừa là thách thức đối với STC nói riêng và các doanh nghiệp trong ngành nói chung. Đây là cơ hội để Công ty khẳng định năng lực và nâng tầm vị thế trên thị trường.
- Để giảm thiểu các yếu tố cạnh tranh từ các đơn vị khác, Công ty luôn quan tâm đến việc nghiên cứu để cải tiến và phát triển sản phẩm phục vụ việc giảng dạy và học tập; với các tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng đảm bảo và tiện nghi cho người sử dụng.





CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Rủi ro đặc thù ngành

- Về mảng kinh doanh sách giáo khoa và sách tham khảo có xu hướng thay đổi khi Nhà nước thay đổi Chương trình giảng dạy. Bên cạnh đó việc thực hiện một chương trình nhiều bộ sách nhằm mục đích cho người tiêu dùng có cơ hội lựa chọn sẽ đòi hỏi công ty xây dựng kế hoạch rất cẩn trọng để tránh tồn kho quá nhiều những mặt hàng sách đầu cấp chuẩn bị thay thế, Công ty vẫn đảm bảo cung ứng kịp thời sách đến phụ huynh và học sinh.
- Ngoài ra, việc sản xuất thiết bị cũng đảm bảo bám sát vào các thông tư của Bộ giáo dục và Đào tạo về các danh mục thiết bị dạy học tối thiểu theo chương trình giáo dục phổ thông 2018. Vì vậy, trong năm 2020, STC đã có những chiến lược sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thị trường nhằm giảm thiểu tình trạng hàng tồn kho đối với các mặt hàng không còn phù hợp theo quy định mới.
- Thêm vào đó, STC cần ưu tiên quan tâm phát triển các sản phẩm mới phù hợp với năng lực, lĩnh vực kinh doanh và thị hiếu của người tiêu dùng.

Rủi ro chính sách

Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh hoạt động trong lĩnh vực in ấn, sản xuất, phân phối các sản phẩm học đường phục vụ cho ngành giáo dục, nên STC một mặt chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp, mặt khác còn phải tuân thủ đầy đủ các văn bản có liên quan của Hệ thống pháp luật hiện hành Việt Nam như: các Luật thuế, Luật lao động, Luật Giá, Luật Xuất bản,... Vì vậy, những biến động về pháp luật sẽ đều tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, với xu hướng phát triển chung của nền kinh tế, Chính phủ cũng đang từng bước hoàn chỉnh hệ thống văn bản pháp luật, tạo sự thông thoáng hơn về các thủ tục hành chính để phục vụ nhu cầu ngày càng cao của xã hội.



Rủi ro môi trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty là sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học, mua bán sách giáo khoa,... Vì nguyên vật liệu là gỗ, sơn, xi mạ,... đều có ảnh hưởng đến trực tiếp đến môi trường xung quanh. Tuy nhiên, ý thức được vấn đề này nên trong các khâu sản xuất Công ty đều đầu tư các hệ thống xử lý để giảm thiểu tối đa việc gây tác động đến môi trường như: hệ thống hút bụi, xử lý chất thải thông qua hệ thống xử lý của Khu công nghiệp và ở khâu chọn nguyên liệu, STC đã lựa chọn các nguyên vật liệu không độc, đặc biệt các sản phẩm trước khi cung ứng ra thị trường đều được cơ quan có thẩm quyền kiểm định về chất lượng. Bên cạnh đó, Công ty đã tìm hiểu và ưu tiên áp dụng các chọn lựa thân thiện với môi trường; xử lý và phân loại rác thải và các yêu cầu tiết kiệm nguyên vật liệu, dụng cụ văn phòng nhằm hạn chế tác động đến môi trường

Rủi ro khác

Những rủi ro khác bao gồm: các rủi ro không thể dự đoán được như dịch bệnh, thiên tai, bảo quản hàng hóa, ...là những rủi ro có nguy cơ xảy ra rất thấp nhưng nếu xảy ra sẽ có tác động rất lớn đến tình hình kinh doanh của toàn Công ty. Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty luôn tham gia mua bảo hiểm tài sản, hàng hóa.





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

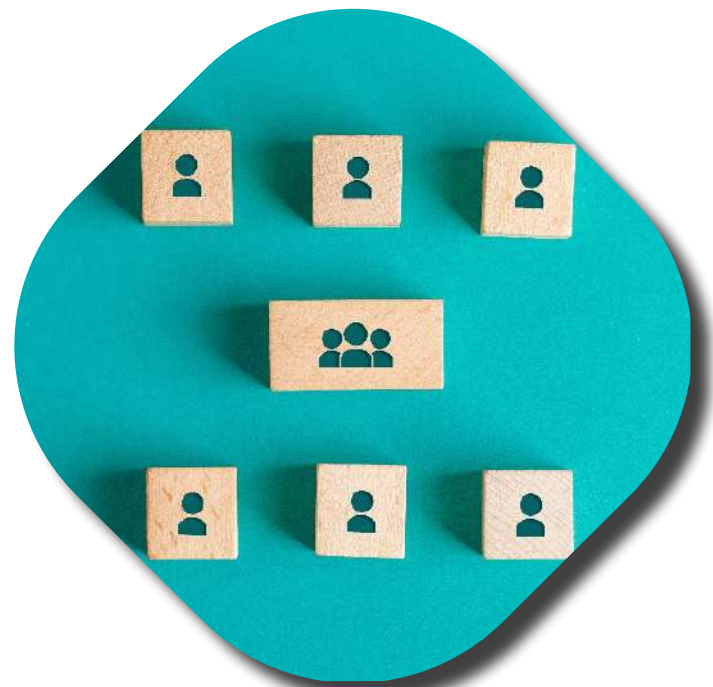
Những thay đổi trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc



CƠ CẤU SỞ HỮU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cơ cấu sở hữu của Hội đồng quản trị

| Họ tên | Chức vụ | Số lượng cổ phần sở hữu | Ghi chú |
|------------------------|-------------------------------|-------------------------|------------------------------|
| Ông Nguyễn Chí Bính | Chủ tịch | 0 | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020 |
| Ông Từ Trung Đan | Thành viên kiêm Tổng Giám đốc | 375.190 | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020 |
| Ông Đỗ Thành Lâm | Thành viên | 4.895 | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020 |
| Ông Nguyễn Văn Cung | Thành viên | 0 | Bổ nhiệm ngày 19/06/2020 |
| Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh | Thành viên | 3.390 | Bổ nhiệm ngày 19/06/2020 |
| Bà Lê Thị Phương Hảo | Thành viên | 0 | Miễn nhiệm ngày 19/06/2020 |
| Ông Phan Xuân Hiến | Thành viên | 70 | Miễn nhiệm ngày 19/06/2020 |





CƠ CẤU SỞ HỮU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Cơ cấu sở hữu của Ban kiểm soát

| Họ tên | Chức vụ | Số lượng cổ phần sở hữu | Ghi chú |
|-----------------------|------------|-------------------------|------------------------------|
| Bà Bùi Thị Ánh Tuyết | Trưởng ban | 0 | Bổ nhiệm ngày 19/06/2020 |
| Bà Nguyễn Thị Nhó | Thành viên | 4.000 | Bổ nhiệm lại ngày 19/06/2020 |
| Bà Đào Thị Thanh Thuý | Thành viên | 0 | Bổ nhiệm từ ngày 19/06/2020 |



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành viên Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

| Thành viên | Chức vụ | Số lượng cổ phần sở hữu | Ghi chú |
|------------------------|-------------------|-------------------------|------------------------------|
| Ông Từ Trung Đan | Tổng Giám đốc | 375.190 | Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2020 |
| Ông Phan Xuân Hiến | Phó Tổng Giám đốc | 70 | Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2020 |
| Bà Đỗ Thị Thanh Bình | Phó Tổng Giám đốc | 3.320 | Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2020 |
| Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh | Kế toán trưởng | 3.390 | Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2020 |



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Sơ yếu lý lịch Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Từ Trung Đan – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

| | |
|-----------------------------------|---|
| Chức vụ | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc |
| Năm sinh | 1975 |
| Nguyên quán | Tây Ninh |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Vật Lý |
| Chức vụ tại tổ chức khác hiện nay | Không |
| Quá trình công tác | |
| 1997 – 2006 | Công tác tại Công ty Sách và Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh. Chức vụ cao nhất đảm nhận: Phó Trưởng phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ |
| 2007 đến nay | Công tác tại Công ty Cổ phần Thiết Bị Trường Học Thành Phố Hồ Chí Minh. Chức vụ đảm nhận: Tổng Giám đốc |

Ông Phan Xuân Hiến – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

| | |
|-----------------------------------|---|
| Chức vụ | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc |
| Năm sinh | 1961 |
| Nguyên quán | Quảng Bình |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư Luyện Kim |
| Chức vụ tại tổ chức khác hiện nay | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông |
| Quá trình công tác | |
| 1990 | Cán bộ Trung tâm Phân tích và Thí nghiệm |
| 1990 – 2006 | Công tác tại Công ty Sách và Thiết Bị Trường Học Thành Phố Hồ Chí Minh. Chức vụ cao nhất đảm nhận: Trưởng phòng thiết bị |
| 2007 đến nay | Công tác tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh. Chức vụ đảm nhận: Phó Tổng giám đốc |

Bà Đỗ Thị Thanh Bình – Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh

1970

Nguyên quán

Hà Nội

Trình độ chuyên môn

Cử nhân quản trị kinh doanh

Chức vụ tại tổ chức khác hiện nay

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông

Quá trình công tác

1991 – 2001

Công tác tại Công ty Sách và Thiết Bị Trường Học Cần Thơ

2001 – 2006

Công tác tại Công ty Cổ phần Thiết Bị Trường Học Thành Phố Hồ Chí Minh

2007 đến nay

**Công tác tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh.
Chức vụ đảm nhận: Phó Tổng Giám đốc**

Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh - Kế toán trưởng

Chức vụ

Kế toán trưởng

Năm sinh

1980

Nguyên quán

Bình Định

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế

Chức vụ tại tổ chức khác hiện nay

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông

Quá trình công tác

2003 – 2008

Công tác tại Công ty Sách và Thiết Bị Trường Học Thành phố Hồ Chí Minh

2008 đến nay

**Công tác tại Công ty Cổ phần Thiết Bị Trường Học Thành Phố Hồ Chí Minh.
Chức vụ đang đảm nhận: Kế toán trưởng**



TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

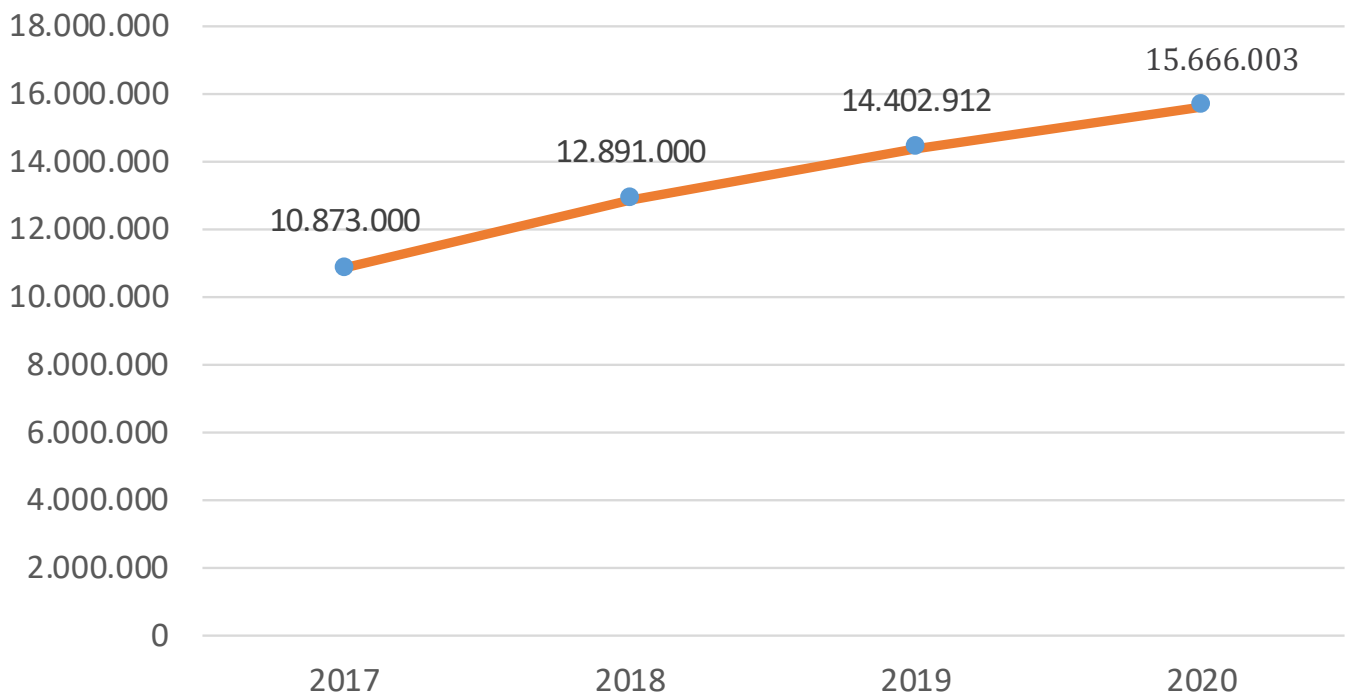
Cơ cấu lao động tại ngày 31/12/2020

| Tiêu chí | Số lượng | Tỷ trọng (%) |
|------------------------------------|------------|----------------|
| Phân theo trình độ lao động | 258 | 100,00% |
| Trình độ đại học, trên đại học | 55 | 21,32% |
| Trình độ cao đẳng, trung cấp nghề | 55 | 21,32% |
| Trình độ khác | 148 | 57,36% |
| Địa bàn công tác | 258 | 100,00% |
| Hồ Chí Minh | 162 | 62,79% |
| Bình Dương | 96 | 37,21% |

Tiền lương lao động bình quân của người lao động qua các năm

| STT | Năm | Tiền lương bình quân (Đồng/người/tháng) |
|-----|------|---|
| 1 | 2017 | 10.873.000 |
| 2 | 2018 | 12.891.000 |
| 3 | 2019 | 14.402.912 |
| 4 | 2020 | 15.666.003 |

Tiền lương bình quân (Đồng/người/tháng)





TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Chính sách đối với người lao động

Chế độ chính sách, tiền lương cho người lao động

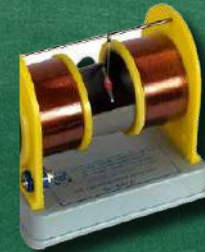
- Chính sách tiền lương được xây dựng theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp mức sống trong khu vực và đáp ứng các nhu cầu chính đáng của người lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn có chính sách trả lương theo năng lực và mức độ đóng góp của người lao động nhằm động viên, khuyến khích người lao động nâng cao hiệu suất làm việc.
- Chính sách tiền thưởng của Công ty đảm bảo người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Công ty thực hiện các khoản thưởng định kỳ vào các dịp lễ, tết, lương tháng 13 và thưởng đạt kết quả kinh doanh tốt trong năm, nhằm tạo động lực cho người lao động tăng năng suất lao động. Ngoài ra, Công ty còn có những khoản thưởng cho nhân viên có những sáng kiến giúp cải tiến quy trình, nâng cao kết quả kinh doanh. Chính sách tiền thưởng được xây dựng hợp lý để tạo động lực cho người lao động.
- Công ty luôn thực hiện trả lương, thưởng cho người lao động theo đúng chính sách đã xây dựng, đồng thời đưa ra những chiến lược dài hạn, đảm bảo những lợi ích tốt nhất cho người lao động, để tiền lương, thưởng thực sự là một khoản thu nhập có thể đáp ứng cho đời sống vật chất, tinh thần chính đáng, giúp người lao động an tâm công tác, đóng góp cho Công ty, để Công ty cũng đạt được kết quả kinh doanh tốt nhất, hướng tới mục tiêu trở thành một trong những nhà sản xuất, phân phối cung cấp giáo dục hàng đầu Việt Nam.



Chính sách phúc lợi

- Bên cạnh chính sách lương, thưởng, thì chính sách phúc lợi cũng là một trong những chính sách mà người lao động quan tâm. Theo đúng quy định trong Bộ luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, người lao động làm việc cho Công ty tham gia đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn 24/24, khám sức khỏe định kỳ hàng năm, trang bị đồng phục và đồ bảo hộ an toàn lao động, tặng quà nhân ngày 20/10, 08/03 cho lao động nữ, quà nhân dịp ngày Quốc tế thiếu nhi và Tết Trung Thu cho con người lao động. Khen thưởng học bổng cho con người lao động có kết quả học tập tốt và chính sách chi bằng tiền nhân ngày Tết Dương lịch, 30/04 - 01/05, 02/09, 20/11,...
- Ngoài ra, Công ty còn hoạt động chăm lo đời sống cho người lao động: thiết lập thời gian làm việc đúng quy định, có thời gian nghỉ ngơi hợp lý, cải thiện điều kiện làm việc, lắp đặt và kiểm tra định kỳ hệ thống lọc nước uống, trang bị đầy đủ dụng cụ phục vụ cho công việc và đảm bảo an toàn lao động, phòng chống độc hại trong quá trình lao động.
- Hằng năm, Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, đồng thời tổ chức các chuyến nghỉ mát, nghỉ dưỡng giúp nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động. Thêm vào đó, Công ty tạo điều kiện cho hoạt động của tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên, tổ chức các chương trình Hội thao, Văn nghệ, tìm hiểu và hỗ trợ cán bộ nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, tổ chức khen thưởng cho con em người lao động đạt thành tích cao trong học tập,...







TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình hoạt động kinh doanh trong năm

Tình hình hoạt động đầu tư

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông và thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

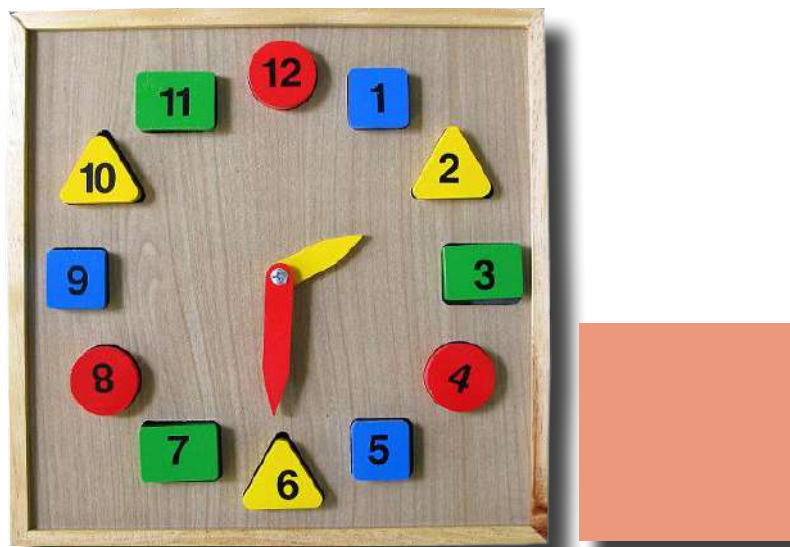


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM

Tình hình chung của ngành Giáo dục năm 2020

Trong đời sống xã hội hiện nay, giáo dục và đào tạo là lĩnh vực có vai trò quan trọng đối với mọi quốc gia, dân tộc ở mọi thời đại và được xem là chính sách, biện pháp quan trọng hàng đầu để phát triển ở nhiều quốc gia trên thế giới và Việt Nam không phải là ngoại lệ.

Năm 2020 được xem là một năm gây khó khăn và thiệt hại đến mọi phương diện của toàn bộ nền kinh tế, trong đó có lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo do sự bùng nổ của đại dịch Covid-19 từ cuối năm 2019 kéo dài đến tận bây giờ và chính sách giãn cách xã hội bắt đầu từ đầu tháng 4, học sinh không thể đến trường trong một khoảng thời gian dài mà phải chuyển sang hình thức học trực tuyến. Điều này đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến các đơn vị Trường học, các trung tâm đào tạo nói chung mà còn ảnh hưởng đến các Công ty cung cấp thiết bị, sản phẩm dành cho giáo dục.



Bên cạnh đó, Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội đã được triển khai nhằm xây dựng chương trình học mới chuyển từ truyền thụ kiến thức sang phát triển phẩm chất và năng lực; sách giáo khoa mới được biên soạn theo hướng hình ảnh hóa nội dung, tăng cường kênh hình, với nhiều hình thức minh họa sinh động, hấp dẫn, chính sách này đã thu hút nhiều nhà xuất bản tư nhân và doanh nghiệp tham gia xuất bản, phát hành sách giáo khoa và sách tham khảo. Thêm vào đó, trong các công cụ hỗ trợ cho công tác giáo dục, thiết bị dạy học là một trong những yếu tố cơ bản hỗ trợ tối đa cho việc dạy học và yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục vì vậy việc đổi mới nội dung cũng như phương pháp dạy học tất yếu sẽ kéo theo việc đổi mới cơ sở vật chất nói chung và thiết bị dạy học nói riêng. Công ty là đơn vị cung ứng các sản phẩm giáo dục cho trường học, học sinh, điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của STC. Điển hình, Công ty đã báo lãi rất thấp trong 6 tháng đầu năm 2020, doanh thu thuần chỉ đạt 128 tỷ đồng (so với 6 tháng năm 2019 đạt gần 200 tỷ đồng), lợi nhuận trước thuế và sau thuế lần lượt đạt 3,3 tỷ đồng và 2,8 tỷ đồng và nhờ tình hình dịch được kiểm soát nên kết quả kinh doanh trong quý 3 lũy kế 9 tháng đầu năm 2020 đạt 337 tỷ đồng doanh thu thuần, LNST đạt gần 14 tỷ đồng. Năm 2020, STC đặt mục tiêu doanh thu đạt 397 tỷ đồng và LNTT đạt 17,5 tỷ đồng, theo đó kết thúc 9 tháng đầu năm 2020 công ty đã hoàn thành được 85% mục tiêu về doanh thu và 88% mục tiêu về lợi nhuận.

Mặc dù, năm 2020 môi trường kinh doanh của ngành và Công ty được dự báo tiếp tục có nhiều khó khăn hơn do dịch Covid-19 vẫn chưa biết khi nào dừng lại và các chính sách thay đổi chương trình học mới. Tuy nhiên, những yếu tố trên được xem là một cơ hội để đổi mới ngành giáo dục nói chung và STC nói riêng trong việc cải cách phát triển ngành giáo dục Việt Nam trong thời đại mới.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020 của STC

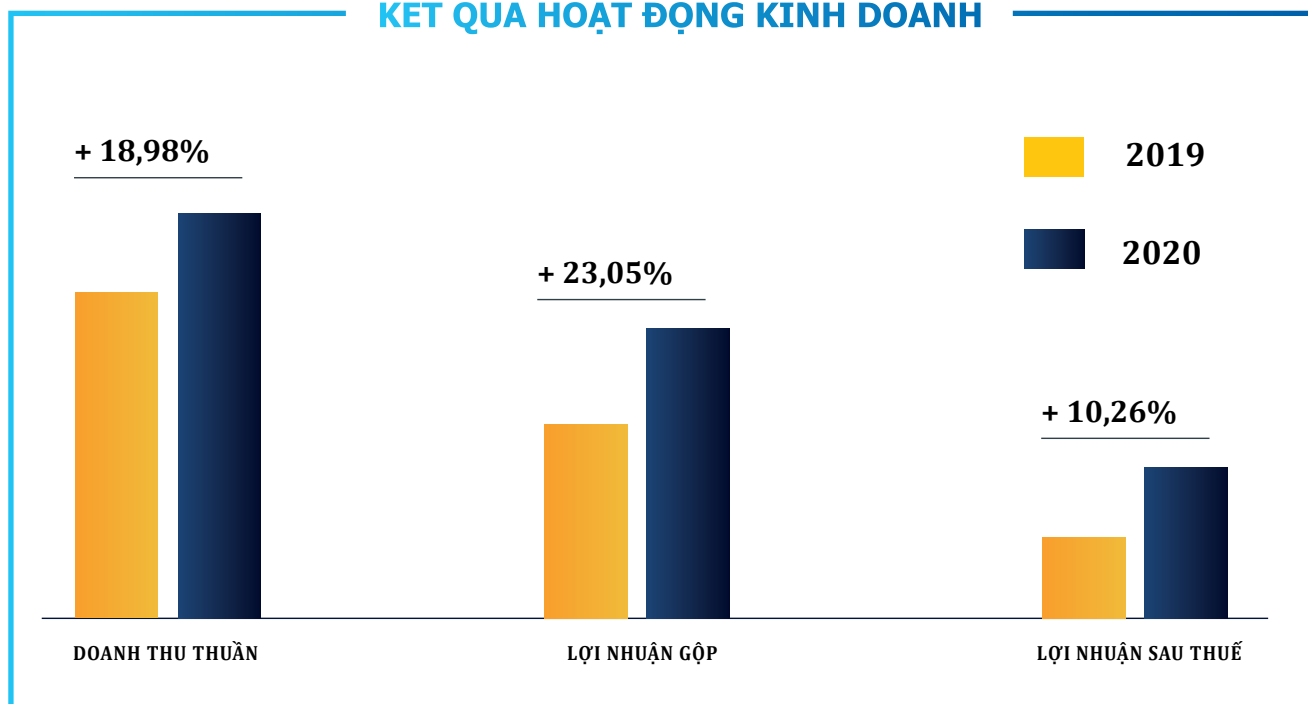
Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2019 | Năm 2020 | %Tăng/Giảm |
|---|-----------------|-----------------|------------|
| Doanh thu thuần | 409.833.236.902 | 487.638.150.662 | 18,98% |
| Giá vốn hàng bán | 319.582.279.250 | 376.583.042.584 | 17,84% |
| Lợi nhuận gộp | 90.250.957.652 | 111.055.108.078 | 23,05% |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 17.034.183.864 | 18.532.326.445 | 8,79% |
| Lợi nhuận khác | 716.218.151 | 994.770.678 | 38,89% |
| Lợi nhuận trước thuế | 17.750.402.015 | 19.527.097.123 | 10,01% |
| Lợi nhuận sau thuế | 15.886.003.701 | 17.515.760.067 | 10,26% |

Năm 2020, công tác in ấn và phát hành sách giáo khoa, sách bổ trợ cho học kỳ hè (tháng 05 và tháng 06) của các doanh nghiệp nói chung và STC nói riêng gặp nhiều khó khăn do sự bùng nổ dịch Covid-19, dẫn đến thực hiện giãn cách xã hội, do đó thời gian giảng dạy bị rút ngắn khi triển khai học sinh học trực tuyến. Nguyên nhân này đã phần nào tác động đến kết quả kinh doanh của Công ty ở 6 tháng đầu năm 2020, giảm 70,75 tỷ đồng, tương đương 35,62% so với cùng kỳ năm 2019 do sản lượng tiêu thụ sách và thiết bị giáo dục giảm đáng kể. Tuy nhiên bước sang Quý III năm 2020, nhờ tình hình dịch được kiểm soát, nên tình hình kinh doanh của STC vẫn đạt được nhiều kết quả khả quan.

Cụ thể, doanh thu thuần Q4/2020 tăng gần gấp đôi so với năm 2019, đạt 150,71 tỷ đồng. Điều đó dẫn đến doanh thu thuần năm 2020 của STC đạt 487,63 tỷ đồng, tăng 18,98%, có thể thấy được rằng kết quả doanh thu thuần năm 2020 cải thiện rõ rệt nhờ vào yếu tố thuận lợi từ mảng thiết bị giáo dục của Công ty. Bên cạnh đó do tình hình kinh doanh khó khăn, cạnh tranh gay gắt nên chi phí về tiền lương, phát triển thị trường tăng nhằm đẩy mạnh công tác kinh doanh để giữ thị phần, dẫn đến lợi nhuận trước thuế và sau thuế năm 2020 lần lượt đạt 19,52 tỷ đồng và 17,51 tỷ đồng, tương ứng tăng 10,01% và 10,26%.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Doanh thu thuần đạt

487.63
tỷ đồng

Tăng 18,98% so với cùng kỳ

Vượt

23%
kế hoạch

Lợi nhuận trước thuế đạt

19,52
tỷ đồng

Tăng 10,01% so với cùng kỳ

Vượt

11%
kế hoạch





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM

Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: Đồng

| KHOẢN MỤC | 2019 | | 2020 | | TĂNG/GIẢM |
|--------------------------------|-----------------|----------|-----------------|----------|-----------|
| | Giá Trị | Tỷ Trọng | Giá Trị | Tỷ Trọng | |
| Bán sách và sản phẩm in | 206.338.991.118 | 50,01% | 218.600.707.231 | 44,65% | 5,94% |
| Thiết bị giáo dục | 177.676.082.056 | 43,06% | 243.872.792.414 | 49,82% | 37,26% |
| Hoạt động giảng dạy | 25.564.637.068 | 6,20% | 23.612.174.476 | 4,82% | -7,64% |
| Doanh thu khác | 3.030.026.709 | 0,73% | 3.457.179.601 | 0,71% | 14,10% |
| Tổng doanh thu | 412.609.736.951 | 100% | 489.542.853.722 | 100% | 18,65% |

Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2020 đạt kết quả khả quan hơn so với năm 2019. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt gần 489,54 tỷ đồng, tăng trưởng 18,65%, nên cơ cấu doanh thu của Công ty cũng có sự thay đổi đáng kể ở từng nhóm sản phẩm, đặc biệt dịch chuyển mạnh mẽ từ bán sách và sản phẩm in sang kinh doanh thiết bị giáo dục lớp 1. Cụ thể, mảng thiết bị giáo dục trong năm 2020 chiếm 49,82% tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu, mang lại 243,87 tỷ đồng doanh thu, tăng trưởng 37,26% so với năm 2019 và mảng kinh doanh sách, sản phẩm in đóng góp 218,60 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 44,65%, tăng trưởng 5,94% năm 2020.

Như vậy, có thể thấy rằng, Ban lãnh đạo Công ty đã đưa ra hiệu quả chiến lược kinh doanh phù hợp với nhu cầu thị trường, song song với việc đó là sự đầu tư đúng đắn về nghiên cứu các trang thiết bị, cải tiến mẫu mã sản phẩm thiết bị học đường lớp 1 đáp ứng việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Điều này lý giải thiết bị giáo dục lớp 1 là nhân tố thúc đẩy doanh thu tăng lên trong năm 2020.



Cuối cùng là doanh thu của mảng hoạt động giảng dạy đóng góp lần lượt 6,20% và 4,82% vào tổng doanh thu của Công ty, có sự sụt giảm khoảng 7,64% so với năm ngoái, ghi nhận 23,6 tỷ đồng, do chính sách giãn cách xã hội nên mọi hoạt động giảng dạy cũng bị trì hoãn. Còn lại là các mảng kinh doanh khác, đóng góp bình quân từ 0,70% đến 0,75% vào doanh thu mỗi năm và tương đối ổn định. .





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM

Biên lợi nhuận gộp sách và sản phẩm in

Đơn vị tính: Đồng

| Sách và sản phẩm in | Năm 2019 | Năm 2020 |
|-------------------------------|-----------------|-----------------|
| Doanh thu sách và sản phẩm in | 206.338.991.118 | 218.600.707.231 |
| Doanh thu thuần | 204.608.702.306 | 217.708.118.351 |
| Giá vốn sách và sản phẩm in | 183.529.235.766 | 195.959.993.976 |
| Lợi nhuận gộp | 21.079.466.540 | 21.748.124.375 |
| Biên lợi nhuận gộp | 10,30% | 9,99% |

Từ bảng số liệu trên có thể thấy rằng chi phí giá vốn đối với mặt hàng sách và sản phẩm in chiếm khá cao so với doanh thu bán được vì chi phí đầu vào tăng dẫn đến lợi nhuận gộp của sách và sản phẩm in lần lượt đạt 21,07 tỷ đồng và 21,74 tỷ đồng ở cả 2 năm vì vậy biên lợi nhuận gộp ở sản phẩm này lần lượt chiếm 10,30% (năm 2019) và 9,99% (năm 2020). Nguyên nhân biên lợi nhuận gộp năm 2020 giảm còn 9,99% là do công tác phát hành sách giáo khoa và in ấn trong quý 2 bị tác động nặng nề do dịch Covid-19 đã góp phần kiềm chế tốc độ tăng trưởng biên lợi nhuận gộp ở mảng này.



Biên lợi nhuận gộp sản phẩm thiết bị giáo dục

Đơn vị tính: Đồng

| Thiết bị giáo dục | Năm 2019 | Năm 2020 |
|-----------------------------|-----------------|-----------------|
| Doanh thu thiết bị giáo dục | 177.676.082.056 | 243.872.792.414 |
| Doanh thu thuần | 176.665.746.819 | 242.958.518.234 |
| Giá vốn thiết bị giáo dục | 116.804.691.616 | 160.811.020.265 |
| Lợi nhuận gộp | 59.861.055.203 | 82.147.497.969 |
| Biên lợi nhuận gộp | 33,88% | 33,81% |

Doanh thu từ mảng thiết bị giáo dục của STC tăng từ 177,67 tỷ đồng đến 243,87 tỷ đồng, tăng gần 37,26%. Thêm vào đó, chi phí giá vốn từ sản phẩm này lại thấp, dẫn đến kết quả lợi nhuận gộp của Công ty rất khả quan ở cả 2 năm đặc biệt năm 2020, kết quả đã tăng lên hơn 80 tỷ đồng, đồng nghĩa mảng thiết bị giáo dục đã đóng góp rất nhiều cho doanh thu của Công ty. Vì vậy, biên lợi nhuận gộp từ mảng kinh doanh này chiếm giá trị cao đáng kể trong cơ cấu các sản phẩm còn lại.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| KHOẢN MỤC | 31/12/2020 | | 01/01/2020 | |
|----------------------------|---------------|----------------|---------------|----------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng | 2.538.646.638 | - | 2.409.278.581 | - |
| Tổng cộng | 2.538.646.638 | - | 2.409.278.581 | - |



Đầu tư vào đơn vị khác: Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định

| Tên công ty | Tỷ lệ vốn, quyền biểu quyết | Số lượng cổ phiếu | Giá gốc | Dự phòng |
|--|-----------------------------|-------------------|--------------------|----------|
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định | 4,77% | 49.000 | 490.000.000 | |
| Tổng cộng | | | 490.000.000 | |





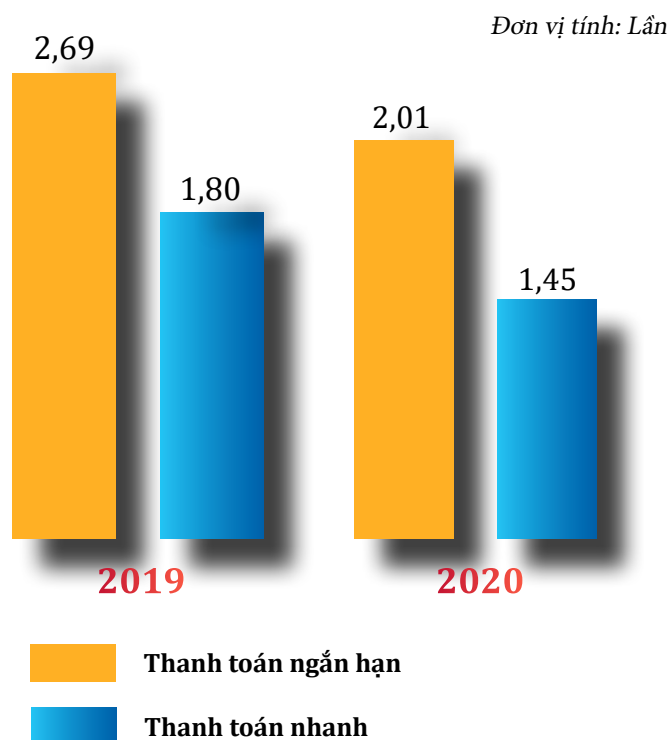
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| CHỈ TIÊU | ĐVT | 2019 | 2020 |
|---|------|-------|-------|
| Khả năng thanh toán | | | |
| Khả năng thanh toán ngắn hạn | Lần | 2,69 | 2,01 |
| Khả năng thanh toán nhanh | Lần | 1,80 | 1,45 |
| Cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số nợ/Tổng tài sản | % | 25,77 | 37,56 |
| Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 34,72 | 60,16 |
| Năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | Vòng | 8,79 | 9,59 |
| Vòng quay tổng tài sản | Vòng | 2,61 | 2,73 |
| Khả năng sinh lời | | | |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 3,88 | 3,59 |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 13,68 | 14,48 |
| Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân | % | 10,10 | 9,80 |
| Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần | % | 4,16 | 3,80 |

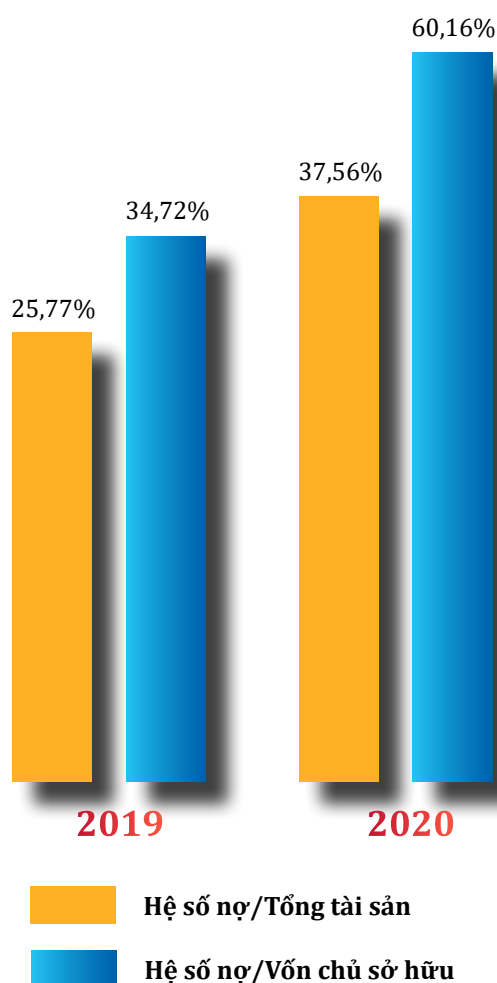
Chỉ tiêu khả năng thanh toán ngắn hạn

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đều có xu hướng giảm trong năm 2020. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 2,69 lần xuống 2,01 lần và hệ số thanh toán nhanh giảm từ 1,80 lần xuống 1,45 lần. Tuy nhiên, các chỉ tiêu này vẫn duy trì ở mức trên 1, điều này thể hiện khả năng thanh toán trong ngắn hạn của Công ty vẫn được đảm bảo. Nguyên nhân suy giảm của các chỉ số này đến từ việc tốc độ tăng của nợ ngắn hạn lớn hơn tốc độ tăng của tài sản ngắn hạn do STC thực hiện công tác nhập sản phẩm nhằm đảm bảo nguồn cung cho thị trường khi tình hình dịch đã được kiểm soát.



Chỉ tiêu cơ cấu vốn

Như đã đề cập ở chỉ tiêu khả năng thanh toán, tổng nợ phải trả của Công ty tăng 33,34 tỷ đồng, tương đương tăng 81,19%, tuy nhiên nợ phải trả tăng phần lớn đến từ khoản mục phải trả người bán ngắn hạn và người lao động, đây được xem là một tín hiệu tốt minh chứng Công ty không sử dụng đòn bẩy tài chính, nên Công ty sẽ không gặp áp lực từ chi phí lãi vay. Bên cạnh đó, việc giao dịch lâu năm giữa Công ty và các đối tác đã đem lại một sự tin tưởng, uy tín lẫn nhau, nhất là từ phía các nhà cung cấp đối với Công ty, khi mà họ đã có chính sách về việc thanh toán tốt hơn cho Công ty.



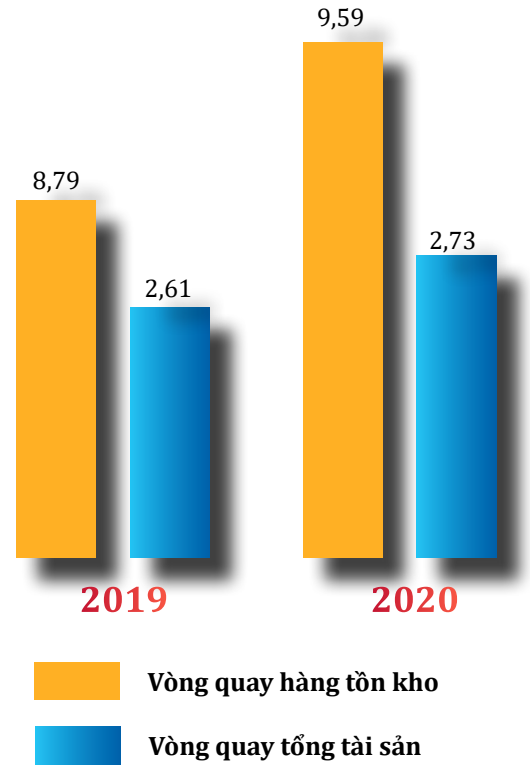


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu năng lực hoạt động

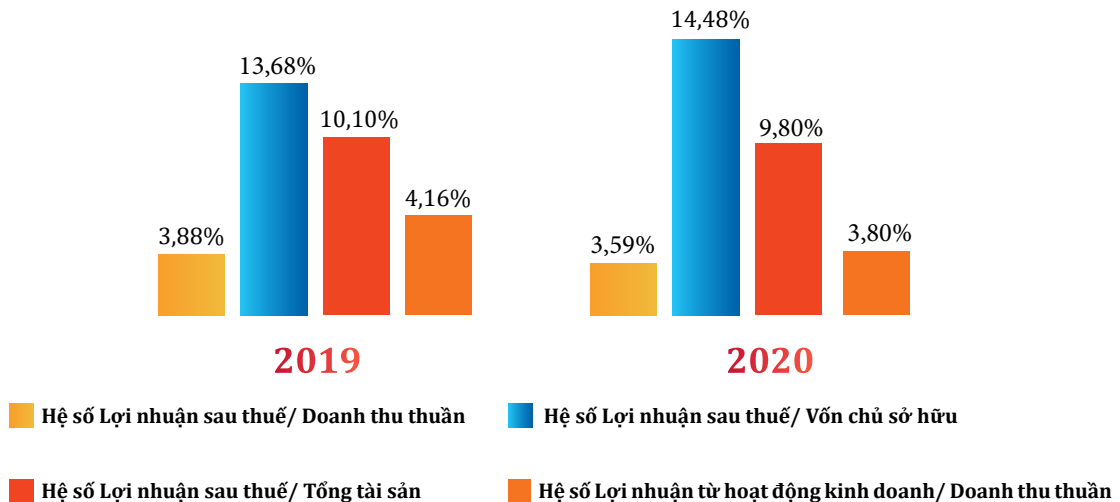
Công ty là đơn vị sản xuất và cung ứng sách giáo khoa, sách bổ trợ, sách tham khảo và các thiết bị giáo dục trường học nên lượng hàng tồn kho chủ yếu là các vật tư thiết bị gỗ và sách, do đó vòng quay hàng tồn kho đối với doanh nghiệp sách và thiết bị giáo dục nói chung và STC nói riêng đều rất lớn. Vòng quay hàng tồn kho của Công ty năm 2020 đã tăng từ 8,79 vòng đến 9,59 vòng. Mặc dù STC trữ lượng hàng tồn kho khá lớn nhưng đối lại khi nhu cầu tiêu dùng mặt hàng giáo dục tăng sẽ giúp Công ty đảm bảo cung ứng sản phẩm kịp thời cho thị trường đặc biệt khi tình hình dịch đã được kiểm soát ở quý 3.

Ngoài ra, vòng quay tổng tài sản của Công ty tăng tương đối nhẹ từ 2,61 vòng đến 2,73 vòng. Điều này cho thấy, một đồng tài sản của STC đã tạo ra giá trị doanh thu tăng đặc biệt trong diễn biến phức tạp của tình hình ngành nói chung.



Chỉ tiêu khả năng sinh lời

Nhìn chung các chỉ tiêu khả năng sinh lời không có sự thay đổi quá lớn so với năm trước. Lợi nhuận sau thuế của Công ty có sự gia tăng trong năm 2020, trong khi đó tốc độ tăng của doanh thu thuần và tổng tài sản lại có tốc độ tăng lớn hơn, nên đã làm các hệ số sinh lời tính trên những chỉ tiêu này giảm nhẹ.







CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ phần

Số lượng cổ phiếu công ty đăng ký phát hành: 5.665.530 cổ phiếu

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND

Số cổ phiếu ưu đãi: Không

Số cổ phiếu phổ thông: 5.665.530 cổ phiếu

Cổ phiếu quỹ: Không

Cổ phiếu đang lưu hành: 5.665.530 cổ phiếu

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 5.665.530 cổ phiếu

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: Không

Danh sách cổ đông lớn

| STT | Tên cổ đông lớn | Số lượng cổ phần đang nắm giữ | Tỷ lệ % |
|-----------|--|-------------------------------|---------|
| 1 | Công ty TNHH MTV NXB Giáo dục Việt Nam | 2.976.768 | 52,54% |
| 2 | Từ Trung Đan | 375.190 | 6,62% |
| Tổng cộng | | 3.351.958 | 59,16% |

Cơ cấu cổ đông tính đến ngày 31/12/2020

| STT | Cổ đông | Số lượng cổ đông | Số cổ phần (Cổ phần) | Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%) |
|----------|---------------------------|------------------|----------------------|----------------------|
| A | Cổ đông trong nước | 545 | 5.347.840 | 94,39% |
| 1 | Nhà nước | 1 | 2.976.768 | 52,54% |
| 2 | Tổ chức | 15 | 203.320 | 3,59% |
| 3 | Cá nhân | 529 | 2.167.752 | 38,26% |
| B | Cổ đông nước ngoài | 12 | 317.690 | 5,61% |
| 1 | Tổ chức | 3 | 209.600 | 3,70% |
| 2 | Cá nhân | 9 | 108.090 | 1,91% |
| | Tổng cộng | 557 | 5.665.530 | 100,00% |



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá tình hình hoạt động trong năm 2020

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý

Kế hoạch phát triển trong năm 2021

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán



Thuận lợi

- Năm học 2020 - 2021 là năm đầu tiên áp dụng chương trình sách giáo khoa mới đối với lớp 1 đồng thời thực hiện một chương trình với nhiều bộ sách và điều này được xem là một cơ hội đối với Nhà Xuất Bản Giáo Dục nói chung và các doanh nghiệp sách, thiết bị giáo dục nói riêng trong đó có STC. Theo kết quả lựa chọn sách giáo khoa tại các địa phương cho thấy, các bộ sách giáo khoa của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam được nhiều địa phương lựa chọn. Công ty là một đơn vị cung ứng các sản phẩm giáo dục cho trường học, học sinh dưới sự chỉ đạo sâu sắc và hỗ trợ của Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam nên những thuận lợi trên sẽ góp phần vào hoạt động kinh doanh của STC.
- Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam đã hỗ trợ cho Công ty về chuyên môn, giới thiệu sản phẩm trên rộng rãi đến thầy cô giáo, phụ huynh, học sinh,...
- Công ty có cơ sở vật chất tốt, tập thể Người lao động đoàn kết và đặc biệt có đội ngũ nhân viên có kinh nghiệm sản xuất kinh doanh thiết bị đồ dùng dạy học
- Bên cạnh đó, theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, GDP quý IV năm 2020 tăng 4,48% cho thấy nền kinh tế Việt Nam đang dần phục hồi rõ nét đặc biệt là trong bối cảnh tình hình dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp. Với tình hình đó, số lượng cầu sẽ tăng đối với các sản phẩm giáo dục (sách giáo khoa, thiết bị trường học)



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

Khó khăn

- Do là năm đầu tiên áp dụng chương trình giáo dục phổ thông mới, vì vậy vấn đề tồn đọng hàng tồn kho các sản phẩm sách với nội dung giảng dạy cũ là không thể tránh khỏi.
- Bên cạnh đó, do dịch Covid-19 nên phần nào cũng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty, đặc biệt là những sản phẩm Lớp 2, Lớp 6; sản lượng tiêu thụ giảm sút do rút ngắn thời gian giảng dạy và thực hiện giãn cách xã hội. Vì thế số lượng tồn của các sản phẩm Lớp 2, Lớp 6 chiếm tỷ lệ đáng kể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.
- Ngoài ra, do dịch Covid-19 làm gián đoạn thời gian chuẩn bị sản xuất, cũng như việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh thiết bị Lớp 1 gặp khó khăn.
- Các đơn hàng dồn vào thời điểm Quý III và Quý IV nên áp lực sản xuất và kinh doanh rất lớn. Điều này vừa là thách thức vừa là cơ hội đối với STC.



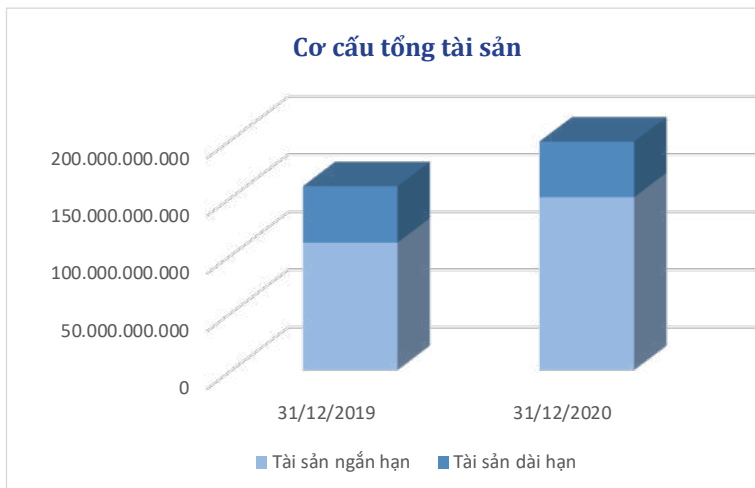


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Cơ cấu tổng tài sản

Đơn vị tính: Đồng

| CHỈ TIÊU | 2019 | | 2020 | |
|------------------------------------|------------------------|---------------|------------------------|---------------|
| | GIÁ TRỊ | TỶ TRỌNG | GIÁ TRỊ | TỶ TRỌNG |
| TÀI SẢN NGẮN HẠN | 110.465.439.096 | 69,34% | 149.753.808.911 | 75,61% |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 35.319.126.202 | 31,97% | 61.181.232.260 | 40,85% |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 34.538.026.034 | 31,27% | 42.628.693.798 | 28,47% |
| Hàng tồn kho | 36.750.134.293 | 33,27% | 41.794.176.588 | 27,91% |
| Tài sản ngắn hạn khác | 1.448.873.986 | 1,31% | 1.611.059.627 | 1,08% |
| TÀI SẢN DÀI HẠN | 48.846.910.944 | 30,66% | 48.303.953.139 | 24,39% |
| Tài sản cố định | 37.736.175.660 | 77,25% | 37.001.173.468 | 76,60% |
| TỔNG TÀI SẢN | 159.312.350.040 | 100% | 198.057.762.050 | 100% |



- Tài sản dài hạn của Công ty giảm từ 48,8 tỷ đồng xuống còn 48,2 tỷ đồng nguyên nhân do chi phí khấu hao giữa các máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải tăng và STC không thanh lý tài sản cố định trong năm.

- Trong cơ cấu tổng tài sản thì tỷ trọng tài sản ngắn hạn chiếm phần lớn. Năm 2020, tỷ trọng này có sự gia tăng từ 69,34% (năm 2019) đến 75,61% (năm 2020), trong khi đó tỷ trọng tài sản dài hạn lại giảm từ 30,66% xuống còn 24,39%.
- Xét riêng về tài sản ngắn hạn, tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và hàng tồn kho là ba khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tổng tài sản, lần lượt 40,85%, 28,47% và 27,91% năm 2020. Hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2020 là 41,79 tỷ đồng, tăng 13,73% so với năm 2019, cùng với đó, các khoản phải thu ngắn hạn tăng xấp xỉ 23,43% so với năm ngoái lên 42,6 tỷ đồng do tăng khoản phải thu đối với khách hàng là Công ty TNHH MTV Nam Gia, CTCP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc và CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng. Vì vậy, hai khoản mục trên tác động chủ yếu dẫn đến tài sản ngắn hạn tăng từ 159,31 tỷ đồng (năm 2019) đến 198,05 tỷ đồng (năm 2020).

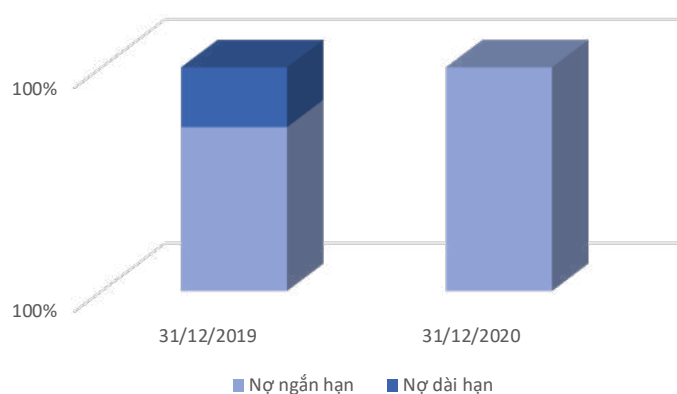
Cơ cấu nguồn vốn

Đơn vị tính: Đồng

| CHỈ TIÊU | 2019 | | 2020 | |
|----------------------------|------------------------|---------------|------------------------|---------------|
| | GIÁ TRỊ | TỶ TRỌNG | GIÁ TRỊ | TỶ TRỌNG |
| NỢ PHẢI TRẢ | 41.038.056.258 | 25,77% | 74.397.714.131 | 37,56% |
| Nợ ngắn hạn | 41.038.056.258 | 99,95% | 74.397.714.131 | 100% |
| Nợ dài hạn | 22.000.000 | 0,05% | - | - |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU | 118.252.293.782 | 74,23% | 123.660.047.919 | 62,44% |
| Vốn góp chủ sở hữu | 118.252.293.782 | 100% | 123.660.047.919 | 100% |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 159.312.350.040 | 100% | 198.057.762.050 | 100% |

- Cơ cấu nguồn vốn của STC có sự thay đổi rõ rệt ở năm 2020, khi tỷ trọng của nợ phải trả trên nguồn vốn tăng đáng kể đồng thời tỷ trọng vốn chủ sở hữu trên nguồn vốn đang tăng lên. Thêm vào đó, có thể thấy rằng tỷ trọng vốn chủ sở hữu chiếm phần lớn.
- Nợ phải trả của STC phần lớn đến từ các khoản phải trả nhà cung cấp chính là CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội và Nhà Xuất Bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh, dẫn đến nợ ngắn hạn tăng từ 41,03 tỷ đồng đến 74,39 tỷ đồng.
- Vốn chủ sở hữu có xu hướng tăng nhẹ và đang ở mức 123,66 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 62,44% tổng cộng nguồn vốn. Giai đoạn 2018 – 2020, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ là 13% nên vốn góp chủ sở hữu vẫn không thay đổi. Phần vốn chủ sở hữu tăng thêm từ nguồn LNST chưa phân phối và các quỹ mỗi năm nhờ hoạt động kinh doanh liên tục cải thiện, lợi nhuận sau thuế tăng trưởng so với cùng kỳ.

Cơ cấu nguồn vốn





NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ

Trong năm qua, Công ty đã thực hiện rất nhiều biện pháp nhằm cải tiến cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý, nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững:

- Rà soát lại quy trình làm việc, tăng cường sự liên kết giữa các phòng ban, để phối hợp thực hiện các hoạt động của Công ty.
- Cải tiến công nghệ giúp nâng cao hiệu suất công việc, nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm nhiên liệu,..., đồng thời vận động nhân viên thực hành tiết kiệm điện năng trong quá trình làm việc.
- Thực hiện các chương trình đào tạo, cung cấp kiến thức, giúp nhân viên nắm vững chuyên môn, nghiệp vụ.
- Nâng cao năng lực sản xuất để cung ứng đầy đủ sản phẩm, đáp ứng nhu cầu của thị trường.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2021

TRONG SẢN XUẤT

- Đầu tư, trang bị móc cần thiết cho các đơn vị sản xuất nhằm cải tiến kỹ thuật, giảm hao phí, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm.
- Đa dạng hóa sản phẩm công ty, cải tiến mẫu mã và chất lượng sản phẩm.
- Đảm bảo quy trình vận hành sản xuất hợp lý, hiệu quả, kết nối tốt với khâu kinh doanh

TRONG CÔNG TÁC KINH DOANH

- Đẩy mạnh phát triển thị trường bán lẻ, tăng cường công tác tiếp thị, làm thị trường để phát triển mảng kinh doanh thiết bị của công ty.
- Thực hiện hỗ trợ khách hàng thông qua bảo hành, bảo trì thiết bị giáo dục; đồng thời phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh trong công tác bồi dưỡng nghiệp vụ thư viện, nghiệp vụ quản lý phòng thí nghiệm, hướng dẫn sử dụng thiết bị giáo dục, làm tốt việc bảo hành, bảo trì máy móc thiết bị, gia công lắp đặt.
- Liên kết, mở rộng mua bán với nhiều công ty và nhiều đối tượng.
- Bảo quản, đóng gói sản phẩm tốt nhất, sắp xếp hàng hóa hợp lý, vận chuyển nhanh nhất, tránh hư hỏng, thất thoát.

PHÁT TRIỂN VĂN HOÁ CÔNG TY

- Tiếp tục củng cố và kiện toàn bộ máy tổ chức của công ty. Quan tâm việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên, cán bộ quản lý...
- Tiếp tục chỉ đạo rà soát, kiện toàn các quy chế, quy định của công ty cho phù hợp với quy định hiện hành.
- Tích cực tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng ngày công lao động, điện nước, điện thoại, văn phòng phẩm,...



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá Ban Tổng Giám đốc

Kế hoạch và định hướng



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu

| Khoản mục | ĐVT | KH 2020 | TH 2020 | TH 2020/KH 2020 (%) |
|-------------------------------|------|-----------------|-----------------|---------------------|
| Doanh thu thuần | Đồng | 397.000.000.000 | 487.638.150.662 | 123% |
| Vốn điều lệ | Đồng | 56.655.300.000 | 56.655.300.000 | 100% |
| Lợi nhuận trước thuế | Đồng | 17.500.000.000 | 19.527.097.123 | 111% |
| Tỷ suất LNTT/Vốn điều lệ | % | 30,88% | 34,46% | 3,58% |
| Tỷ suất LNTT/ Doanh thu thuần | % | 4,40% | 3,99% | -0,41% |
| Tỷ lệ cổ tức | % | 13% | 13% | 100% |



Trong năm 2020, Công ty đã trải qua giai đoạn thuận lợi và bất lợi đan xen trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19 và áp lực từ việc thay đổi chính sách giáo dục. Nhờ sự chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có những nỗ lực đáng được ghi nhận khi thực hiện tốt các kế hoạch, đồng thời vượt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Cụ thể, lợi nhuận trước thuế vượt 11% so với kế hoạch đề ra, doanh thu thuần vượt 23% so với kế hoạch đề ra.

- Ban điều hành đã triển khai rất tốt các kế hoạch mà Hội đồng quản trị đề ra, đặc biệt cung ứng thành công các sản phẩm thiết bị giáo dục lớp 1 theo chương trình mới.
- Ban Tổng Giám đốc đã đôn đốc trong công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm thiết bị giáo dục nhằm tìm kiếm và khai thác các đề tài mới phù hợp với chương trình giáo dục, đồng thời, mang đến sự đa dạng hóa đến đội ngũ giáo viên, phụ huynh, học sinh trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.
- Công ty đã cùng phối hợp với Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam tham dự buổi tập huấn sử dụng thiết bị lớp 1, đảm bảo chất lượng giảng dạy theo chương trình của các giáo viên.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI BAN GIÁM ĐỐC

- Hội đồng quản trị tuân thủ và thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định hiện hành
- Hội đồng quản trị đã thực hiện kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế quản trị trong việc điều hành sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT.
- Hội đồng quản trị xem xét các báo cáo tài chính tháng, quý, năm và Tổng Giám đốc thường xuyên chủ động báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, các khó khăn, vướng mắc trong quá trình điều hành. Hội đồng quản trị kịp thời hỗ trợ và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của công ty.
- Chỉ đạo, tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 19/6/2020.





KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG NĂM 2021

- Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ bao gồm kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2021, ưu tiên duy trì hiệu quả hoạt động kinh doanh, đảm bảo lợi nhuận chia cổ tức cho cổ đông.
- Xem xét điều chỉnh các quy định về quản trị nội bộ Công ty (Điều lệ; Quy chế quản trị; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Các quy chế quy định nội bộ), nhằm nâng cao năng lực quản trị Công ty và đảm bảo Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật.
- Tiếp tục cải tiến cơ cấu tổ chức nhân sự, quan tâm việc bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ nhân viên, cán bộ quản lý. Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng lại hệ thống lương thưởng, đánh giá hiệu quả công việc của Công ty.
- Lưu chuyển dòng tiền hợp lý, đảm bảo chi phí sử dụng vốn tối ưu nhất trong sản xuất kinh doanh và đầu tư toàn Công ty.
- Tiếp tục tăng cường công tác nghiên cứu, cải tiến sản phẩm thiết bị giáo dục, đặc biệt luôn chuẩn bị tâm thế sẵn sàng khi có những thay đổi trong chương trình giáo dục và thị trường sách giáo khoa khi dịch bệnh vẫn chưa được kiểm soát hoàn toàn.
- Đẩy mạnh công tác tiếp thị các sản phẩm thiết bị giáo dục của Công ty và đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp với tình hình thị trường nhằm phát triển tối đa mảng kinh doanh thiết bị giáo dục.





BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hiệu quả kinh tế

Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội



HIỆU QUẢ KINH TẾ

Để trở thành một doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành Phố Hồ Chí Minh luôn hướng tới mục tiêu tạo ra những giá trị bền vững và lâu dài. Từ lúc thành lập đến nay, công ty luôn mong muốn tích cực cải tiến hoạt động kinh doanh, tối đa hoá lợi nhuận trong phạm vi pháp luật cho phép, tạo lợi ích ổn định cho các cổ đông góp vốn, đóng góp vào ngân sách nước nhà, góp phần phát triển kinh tế đất nước cũng như khu vực, cùng với tạo ra công ăn việc làm ổn định, nâng cao thu nhập cho người lao động.

Với những mục tiêu trên, Ban lãnh đạo các cấp cùng toàn thể nhân viên công ty luôn ra sức hoàn thành mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra. Toàn thể công ty luôn cố gắng vượt qua những khó khăn gặp phải trong quá trình hoạt động, đề ra những giải pháp kịp thời và chính xác để duy trì và phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp tục phát huy các giá trị công ty đã và đang tạo ra được. Trong năm 2020 vừa qua, Công ty đã tạo ra những giá trị kinh tế đáng ghi nhận, bên cạnh thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đóng góp vào ngân sách, khả năng chi trả cổ tức cho cổ đông và đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động.







TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI NĂM 2020

Đối với nhân viên Công ty

Tại Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh, không gì quan trọng hơn việc đảm bảo an toàn và sức khỏe cho người lao động, nên 100% người lao động của Công ty thường xuyên được đào tạo, huấn luyện định kỳ công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn lao động. Thêm vào đó, chính sách đào tạo nhân sự ở Công ty luôn được quan tâm, đồng thời, toàn bộ nhân viên và người lao động trong năm qua đều được hỗ trợ những chính sách khám sức khỏe định kỳ.

Tiếp tục phát huy những cam kết về điều kiện làm việc an toàn, văn minh và được chăm sóc sức khỏe, phát triển đội ngũ đa dạng, tôn trọng sự khác biệt, không phân biệt đối xử, đảm bảo các quyền lợi của người lao động mà pháp luật quy định.



Đối với khách hàng đối tác

Đáp ứng nhu cầu của khách hàng là mục tiêu cốt lõi của mọi doanh nghiệp. Nhận thức sâu sắc được điều đó, công ty luôn lắng nghe và tiếp thu ý kiến của khách hàng nhằm tìm ra các biện pháp cải tiến chất lượng phục vụ, không ngừng nỗ lực mang lại sự hài lòng cho khách hàng.



Đối với cộng đồng và xã hội

Sự phát triển lâu dài của một doanh nghiệp dựa trên nền tảng của một cộng đồng bền vững, ổn định và thịnh vượng. Là doanh nghiệp phục vụ chủ yếu trong lĩnh vực giáo dục, Công ty Cổ phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành Phố Hồ Chí Minh hiểu rằng sự hiện diện của Công ty đã và đang tạo nên những ảnh hưởng nhất định về kinh tế, môi trường xã hội đối với cộng đồng. Công ty luôn chú trọng tạo nên những giá trị cuộc sống trọn vẹn hơn, nâng cao trình độ văn hóa, văn minh của đất nước ta ra toàn khu vực và trên thế giới. Nhận thức được trách nhiệm lớn lao của mình, trong những năm qua, công ty luôn tích cực tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện giúp đỡ những người gặp hoàn cảnh khó khăn, bên cạnh đó còn hỗ trợ cho các hoạt động nâng cao nhận thức và bảo vệ môi trường do địa phương tổ chức trong địa bàn hoạt động của mình.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban kiểm soát



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty hoạt động thống nhất, không thành lập các tiểu ban trực thuộc.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị thực hiện giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc; phối hợp với Ban Kiểm soát để giám sát việc thực hiện các quy định của Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ, Nghị quyết của Hội đồng quản trị; thẩm định và cho ý kiến pháp lý đối với các kế hoạch, đề xuất kinh doanh do Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều dựa trên sự thống nhất, chấp thuận của các thành viên Hội đồng quản trị. Hoạt động giám sát được các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
- Chỉ đạo, tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 19/06/2020.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự |
|-----|------------------------|---------------|---------------------|-------------------|-------------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Chí Bính | Chủ tịch HĐQT | 14 | 100% | |
| 2 | Ông Từ Trung Đan | TV HĐQT | 14 | 100% | |
| 3 | Ông Đỗ Thành Lâm | TV HĐQT | 14 | 100% | |
| 4 | Bà Lê Thị Phương Hảo | TV HĐQT | 07 | 50% | Miễn nhiệm từ ngày 19/06/2020 |
| 5 | Ông Phan Xuân Hiến | TV HĐQT | 07 | 50% | Miễn nhiệm từ ngày 19/06/2020 |
| 6 | Ông Nguyễn Văn Cung | TV HĐQT | 07 | 50% | Bổ nhiệm từ ngày 19/06/2020 |
| 7 | Bà Huỳnh Thị Bích Hạnh | TV HĐQT | 07 | 50% | Bổ nhiệm từ ngày 19/06/2020 |

Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2020

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|------------------------------|------------|--|
| 1 | 01/NQ-HĐQT | 20/01/2020 | <p>Thông qua các vấn đề sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đơn giá tiền lương năm 2019 2. Kết quả kinh doanh năm 2019 3. Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2019. 4. Thực hiện thù lao HĐQT, BKS, Thư ký công ty năm 2019. 5. Xử lý kiểm kê năm 2019. 6. Chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 2020. 7. Duyệt đơn giá tiền lương năm 2020. 8. Đề xuất tỷ lệ thù lao của HĐQT, BKS và thư ký công ty năm 2020. |
| 2 | 02/NQ-HĐQT | 12/03/2020 | Thời gian tổ chức ĐHCĐ thường niên 2020 của Công ty là 20/4/2020. |
| 3 | 03/NQ-HĐQT | 14/04/2020 | Thay đổi kế hoạch tổ chức ĐHCĐ thường niên 2020. |
| 4 | 04/NQ-HĐQT | 20/04/2020 | Thông qua chủ trương việc vay vốn và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác. |
| 5 | 05/NQ-HĐQT | 12/05/2020 | Thời gian tổ chức ĐHCĐ thường niên 2020 của Công ty là 19/06/2020 |
| 6 | 06/NQ-HĐQT | 09/06/2020 | Thông qua Thư mời và tài liệu ĐHCĐ thường niên năm 2020. |
| 7 | 07/NQ-HĐQT | 18/06/2020 | Rà soát, thông qua công tác tổ chức, các tài liệu liên quan đến ĐHCĐ thường niên năm 2020. |
| 8 | 08/NQ-HĐQT | 19/06/2020 | Bầu Ông Nguyễn Chí Bình giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025. |
| 9 | 09/NQ-HĐQT | 22/06/2020 | Thông qua việc chọn đơn vị kiểm toán soát xét BCTC 6 tháng đầu năm 2020 và kiểm toán BCTC năm 2020 của Công ty. |
| 10 | 10/NQ-HĐQT | 30/06/2020 | Thông qua việc bổ nhiệm Ban điều hành Công ty nhiệm kỳ 2020 – 2025. |
| 11 | 11/NQ-HĐQT | 31/08/2020 | Thông qua chủ trương vay vốn mở bảo lãnh L/C và các nghiệp vụ tín dụng khác tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN 5 TPHCM |
| 12 | 12/NQ-HĐQT | 23/10/2020 | Thông qua chủ trương mua 01 xe ô-tô mới phục vụ công tác của Công ty |
| 13 | 13/NQ-HĐQT | 26/10/2020 | <p>Thông qua nội dung:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Kết quả kinh doanh 09 tháng năm 2020 2. Một số công tác trọng tâm về phát hành sách giáo dục, thiết bị dạy học |
| 14 | 14/NQ-HĐQT | 28/12/2020 | <p>Thông qua nội dung:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tạm ứng cổ tức năm 2020 là 13%/mệnh giá, tức 1.300 đồng/cổ phiếu 2. HĐQT ủy quyền cho Ban điều hành thực hiện các thủ tục để tạm ứng cổ tức năm 2020 theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. |



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

| STT | Thành viên BKS | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự |
|-----|-----------------------|----------------|---------------------|-------------------|-------------------------------|
| 1 | Bà Lê Phương Mai | Trưởng BKS | 02 | 50% | Miễn nhiệm từ ngày 19/06/2020 |
| 2 | Ông Nguyễn Văn Hà | Thành viên BKS | 02 | 50% | Miễn nhiệm từ ngày 19/06/2020 |
| 3 | Bà Nguyễn Thị Nhớ | Thành viên BKS | 04 | 100% | |
| 4 | Bà Bùi Thị Ánh Tuyết | Trưởng BKS | 02 | 100% | Bổ nhiệm ngày 19/06/2020 |
| 5 | Bà Đào Thị Thanh Thủy | Thành viên BKS | 02 | 100% | Bổ nhiệm ngày 19/06/2020 |

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông.

- Hoạt động của Ban kiểm soát tuân thủ chặt chẽ theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty
- Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra cũng như giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật và việc quản lý, điều hành hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

- Đóng góp, tham vấn ý kiến cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Thực hiện giám sát việc chấp hành điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020.
- Thẩm tra các báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý các số liệu tài chính.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2020





CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 233/2021/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 15/03/2021 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

T.N.H.H
KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN
AAC

Trần Thị Thu Hiền – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0753-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Văn Thiện – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3108-2020-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2020 VND | 01/01/2020 VND |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 149.753.808.911 | 110.465.439.096 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 5 | 61.181.232.260 | 35.319.126.202 |
| 1. Tiền | 111 | | 13.367.054.288 | 11.643.704.337 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | 47.814.177.972 | 23.675.421.865 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 2.538.646.638 | 2.409.278.581 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 6.a | 2.538.646.638 | 2.409.278.581 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 42.628.693.798 | 34.538.026.034 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 7 | 41.713.858.919 | 34.005.285.999 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | 8 | 1.444.330.652 | 367.473.100 |
| 3. Các khoản phải thu khác | 136 | 9 | 190.202.517 | 399.801.858 |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | 10 | (719.698.290) | (234.534.923) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 11 | 41.794.176.588 | 36.750.134.293 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 42.502.361.130 | 37.593.927.183 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | (708.184.542) | (843.792.890) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.611.059.627 | 1.448.873.986 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | 14.a | 1.611.059.627 | 1.409.207.466 |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | | - | 39.666.520 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | | 48.303.953.139 | 48.846.910.944 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 12.000.000 | 12.000.000 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Phải thu dài hạn khác | 216 | | 12.000.000 | 12.000.000 |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 37.001.173.468 | 37.336.175.660 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 12 | 36.523.700.465 | 37.171.722.879 |
| - Nguyên giá | 222 | | 69.684.691.628 | 66.721.741.992 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (33.160.991.163) | (29.550.019.113) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | 227 | 13 | 477.473.003 | 164.452.781 |
| - Nguyên giá | 228 | | 696.540.000 | 249.000.000 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (219.066.997) | (84.547.219) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 903.636.364 | 400.000.000 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | 15 | 903.636.364 | 400.000.000 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 490.000.000 | 490.000.000 |
| 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 6.b | 490.000.000 | 490.000.000 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 9.897.143.307 | 10.608.735.284 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 14.b | 9.897.143.307 | 10.603.684.778 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | 5.050.506 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 198.057.762.050 | 159.312.350.040 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2020 VND | 01/01/2020 VND |
|--|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| C. Nợ phải trả | 300 | | 74.397.714.131 | 41.060.056.258 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 74.397.714.131 | 41.038.056.258 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 16 | 31.974.784.902 | 11.620.519.785 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 1.522.227.132 | 342.298.066 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước | 313 | 17 | 2.003.102.476 | 1.031.924.199 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | | 23.191.598.431 | 14.979.747.123 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 18 | 5.084.721.672 | 2.088.741.306 |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | 1.304.150.700 | 1.844.530.000 |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 19 | 812.792.453 | 648.087.944 |
| 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | | 8.504.336.365 | 8.482.207.835 |
| II Nợ dài hạn | 330 | | - | 22.000.000 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | 22.000.000 |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 123.660.047.919 | 118.252.293.782 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 123.660.047.919 | 118.252.293.782 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | 20 | 56.655.300.000 | 56.655.300.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 56.655.300.000 | 56.655.300.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 20 | 13.761.696.224 | 13.761.696.224 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | 20 | 6.538.767.315 | 6.538.767.315 |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 20 | 36.028.714.893 | 30.641.162.779 |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | 20 | 7.779.189.000 | 7.758.986.977 |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 393.797.977 | 345.313.129 |
| - LNST chưa phân phối kỳ này | 421b | | 7.385.391.023 | 7.413.673.848 |
| 6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 429 | 21 | 2.896.380.487 | 2.896.380.487 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 430 | | 198.057.762.050 | 159.312.350.040 |

Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

Kế toán trưởng

Huyền Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH HỢP NHẤT**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 02 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2020 VND | Năm 2019 VND |
|--|-------|-------------|------------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ | 01 | 23 | 489.542.853.722 | 412.609.736.951 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 24 | 1.904.703.060 | 2.776.500.049 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ | 10 | | 487.638.150.662 | 409.833.236.902 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 25 | 376.583.042.584 | 319.582.279.250 |
| 5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ | 20 | | 111.055.108.078 | 90.250.957.652 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 26 | 1.162.179.756 | 838.405.787 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 27 | 16.698.601 | 561.634.250 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 19.491.780 | 77.559.346 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | 28.a | 49.145.920.986 | 32.329.104.347 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 28.b | 44.522.341.802 | 41.164.440.978 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 18.532.326.445 | 17.034.183.864 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | 29 | 997.013.462 | 720.913.812 |
| 13. Chi phí khác | 32 | | 2.242.784 | 4.695.661 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | 994.770.678 | 716.218.151 |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 19.527.097.123 | 17.750.402.015 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 30 | 2.006.286.550 | 1.852.277.102 |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | 5.050.506 | 12.121.212 |
| 18. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | 17.515.760.067 | 15.886.003.701 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ | 61 | | 17.087.924.318 | 15.472.731.115 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 427.835.749 | 413.272.586 |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | 31 | 2.255 | 2.044 |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | 31 | 2.255 | 2.044 |



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Ngọc Hoanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 03 – DN/HN
Ban hành theo Thông tư
số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2020 VND | Năm 2019 VND |
|--|----------|----------------|------------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 19.527.097.123 | 17.750.402.015 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT | 02 | 12,13 | 3.745.491.828 | 3.877.425.310 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | | 349.555.019 | (261.454.839) |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | 200.941 | 49.032 |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | | (814.729.093) | (554.667.637) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | | 19.491.780 | 77.559.346 |
| 3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 22.827.107.598 | 20.889.313.227 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (8.503.426.318) | 6.592.257.239 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (4.908.433.947) | (419.683.829) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp) | 11 | | 33.132.213.287 | (2.869.495.012) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | 14 | 1.052.946 | 1.732.736.229 |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (19.491.780) | (77.559.346) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | 17 | (1.783.873.974) | (1.816.373.035) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | 133.900.000 | 172.580.656 |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 17 | | (4.484.088.400) | (1.420.558.724) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 36.394.959.412 | 22.783.217.405 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác | 21 | | (3.463.119.636) | (2.535.412.554) |
| 2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (129.368.057) | (126.903.272) |
| 3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 796.954.280 | 546.069.337 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (2.795.533.413) | (2.116.246.489) |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ đi vay | 33 | | 6.511.494.005 | 7.931.546.421 |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | | (6.511.494.005) | (7.931.546.421) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | 19,20 | (7.737.119.000) | (7.757.699.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (7.737.119.000) | (7.757.699.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | | 25.862.306.999 | 12.909.271.916 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 5 | 35.319.126.202 | 22.409.903.318 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (200.941) | (49.032) |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 5 | 61.181.232.260 | 35.319.126.202 |



Tổng Giám đốc

Tư Trung Đan

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập

Võ Thị Ngọc Hoanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23/12/2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04/07/2006 (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 12 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 18/10/2017 với mã số doanh nghiệp là 0301325347.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGĐ ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán sách giáo khoa; Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em (trừ đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự và an toàn xã hội), dụng cụ thể dục thể thao (trừ kinh doanh súng đạn thể thao, vũ khí thô sơ);
- In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường; In nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ (không chế biến gỗ, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn; xi mạ điện; tái chế phế thải tại trụ sở);
- Sản xuất đồ chơi trẻ em;
- Sản xuất phim video;
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- Mua bán thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng;
- Giáo dục mầm non.

1.4. Cấu trúc Doanh nghiệp

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập bao gồm Công ty mẹ và 01 Công ty con. Công ty con đã được hợp nhất vào Báo cáo tài chính này. Ngoài ra, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

Thông tin về tài cấu trúc Công ty: Trong kỳ, Công ty không tái cấu trúc.

Công ty con: Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông

- Địa chỉ trụ sở chính: 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Hoạt động chính của Công ty con: Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Trung học cơ sở và Giáo dục Trung học phổ thông.
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ: 52,77%.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày tuân thủ theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ.

Đầu tư vào góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư

Các khoản đầu tư vào góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Dự phòng

Đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

chấn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

| <u>Loại tài sản</u> | <u>Thời gian khấu hao (năm)</u> |
|--------------------------|---------------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 – 44 |
| Máy móc, thiết bị | 5 – 7 |
| Phương tiện vận tải | 6 – 10 |
| Thiết bị dụng cụ quản lý | 3 – 5 |

4.8 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

| <u>Loại tài sản</u> | <u>Thời gian khấu hao (năm)</u> |
|---------------------|---------------------------------|
| Phần mềm máy tính | 3 |

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Tiền thuê đất và các chi phí liên quan đến đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 3 năm;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 3 năm;

Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.10 Thuế hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

4.11 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.12 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.13 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện tại Công ty bao gồm các khoản sau:

- Tiền nhận trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước;
- Doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống. Công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty phải thực hiện trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.16 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.17 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.18 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.19 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.20 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.21 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.22 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa, hoạt động giáo dục thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.

Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng riêng đối với Công ty mẹ

Đối với phần thu nhập có được trong lĩnh vực xã hội hóa (sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học): Áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Ưu đãi trên được thực hiện theo Công văn số 1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011 về việc trả lời Công văn số 245/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh.

Ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại Công ty CP Giáo dục An Đông

Đối với lĩnh vực giáo dục - đào tạo: Áp dụng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động. Ưu đãi nêu trên thể hiện tại mục II và mục III Phần H Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn luật thuế TNDN.

Ngoài ra, Công ty con còn được giảm 30% thuế TNDN năm 2020 theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 của Quốc hội.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Tiền mặt | 161.839.464 | 297.838.614 |
| Tiền gửi ngân hàng | 13.205.214.824 | 11.345.865.723 |
| Tiền gửi kỳ hạn không quá 3 tháng | 47.814.177.972 | 23.675.421.865 |
| Cộng | 61.181.232.260 | 35.319.126.202 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | 31/12/2020 | | 01/01/2020 | |
|----------------------------|----------------------|----------------|----------------------|----------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng | 2.538.646.638 | - | 2.409.278.581 | - |
| Cộng | 2.538.646.638 | - | 2.409.278.581 | - |

Tại thời điểm 31/12/2020, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị.

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 31/12/2020 | | | | 01/01/2020 | |
|---|-----------------------------|-------------------|--------------------|----------|--------------------|----------|
| | Tỷ lệ vốn, quyền biểu quyết | Số lượng cổ phiếu | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định | 4,77% | 49.000 | 490.000.000 | - | 490.000.000 | - |
| Cộng | | | 490.000.000 | - | 490.000.000 | - |

Do cổ phiếu của công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Do đó, Công ty không xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư.

7. Phải thu ngắn hạn khách hàng

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc | 3.213.515.107 | 123.183.040 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng | 2.446.901.190 | - |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội | 1.892.609.589 | - |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung | 800.243.080 | 615.641.898 |
| Công ty TNHH Một thành viên Nam Gia | 5.092.343.214 | 2.979.578.036 |
| Các đối tượng khác | 28.268.246.739 | 30.286.883.025 |
| Cộng | 41.713.858.919 | 34.005.285.999 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan

| | Mối quan hệ | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|---|----------------------|---------------|-------------|
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc | Chung công ty đầu tư | 3.213.515.107 | 123.183.040 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng | Chung công ty đầu tư | 2.446.901.190 | - |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội | Chung công ty đầu tư | 1.892.609.589 | - |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung | Chung công ty đầu tư | 800.243.080 | 615.641.898 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long | Chung công ty đầu tư | 666.724.156 | - |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định | Chung công ty đầu tư | 569.858.975 | 61.003.500 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Tiền Giang | Chung công ty đầu tư | 425.076.231 | 240.274.115 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long | Chung công ty đầu tư | 267.600.257 | 76.928.825 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận | Chung công ty đầu tư | 177.445.288 | 530.253.065 |
| Công ty CP Sách Thiết bị Trường học TP. Cần Thơ | Chung công ty đầu tư | 151.070.798 | 50.377.333 |

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|---|----------------------|--------------------|
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam | 668.049.152 | - |
| Công ty TNHH Kỹ thuật Trí Việt | 276.540.000 | - |
| Các đối tượng khác | 499.741.500 | 367.473.100 |
| Cộng | 1.444.330.652 | 367.473.100 |

Trong đó: Trả trước cho người bán ngắn hạn là bên liên quan

| | Mối quan hệ | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|---|----------------------|-------------|------------|
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam | Chung Công ty đầu tư | 668.049.152 | - |

9. Phải thu ngắn hạn khác

| | 31/12/2020 | | 01/01/2020 | |
|--------------------------|--------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Lãi dự thu | 108.768.318 | - | 90.993.505 | - |
| Tạm ứng | 58.511.000 | - | 281.780.000 | - |
| Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 10.000.000 | - | 10.000.000 | - |
| Phải thu khác | 12.923.199 | - | 17.028.353 | - |
| Cộng | 190.202.517 | - | 399.801.858 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Dự phòng các khoản phải thu quá hạn: | | |
| - Từ 3 năm trở lên | (445.787.754) | (53.659.969) |
| - Từ 2 năm đến dưới 3 năm | (222.069.218) | (180.874.954) |
| - Từ 1 năm đến dưới 2 năm | (51.841.318) | - |
| Cộng | (719.698.290) | (234.534.923) |

11. Hàng tồn kho

| | 31/12/2020 | | 01/01/2020 | |
|--------------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 8.696.297.216 | - | 9.194.723.304 | (38.174.989) |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 2.818.255.689 | - | 1.277.513.888 | - |
| Thành phẩm | 11.026.223.846 | (115.128.901) | 11.412.513.821 | (65.526.078) |
| Hàng hóa | 19.961.584.379 | (593.055.641) | 15.709.176.170 | (740.091.823) |
| Cộng | 42.502.361.130 | (708.184.542) | 37.593.927.183 | (843.792.890) |

- Giá trị hàng tồn kho chậm tiêu thụ tại 31/12/2020 là 774.296.931 đồng.
- Tại thời điểm 31/12/2020, không có hàng tồn kho đã cầm cố, thế chấp các khoản nợ phải trả.

12. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc thiết bị | P.tiện vận tải truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|------------------------|---------------------------|-----------------------|------------------------------|------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 45.506.140.576 | 10.403.766.399 | 9.427.647.420 | 1.384.187.597 | 66.721.741.992 |
| Tăng trong năm | 59.090.909 | 732.000.000 | 2.052.870.000 | 118.988.727 | 2.962.949.636 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - | - |
| Số cuối năm | 45.565.231.485 | 11.135.766.399 | 11.480.517.420 | 1.503.176.324 | 69.684.691.628 |
| Khấu hao | | | | | |
| Số đầu năm | 14.967.617.443 | 8.691.713.493 | 4.765.946.438 | 1.124.741.739 | 29.550.019.113 |
| Tăng trong năm | 1.432.638.060 | 853.163.171 | 1.175.962.867 | 149.207.952 | 3.610.972.050 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - | - |
| Số cuối năm | 16.400.255.503 | 9.544.876.664 | 5.941.909.305 | 1.273.949.691 | 33.160.991.163 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 30.538.523.133 | 1.712.052.906 | 4.661.700.982 | 259.445.858 | 37.171.722.879 |
| Số cuối năm | 29.164.975.982 | 1.590.889.735 | 5.538.608.115 | 229.226.633 | 36.523.700.465 |

- Không có TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ phải trả tại ngày 31/12/2020.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 14.134.063.874 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. Tài sản cố định vô hình

| | Phần mềm kế toán | Phần mềm Website | Cộng |
|------------------------|--------------------|-------------------|--------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 219.000.000 | 30.000.000 | 249.000.000 |
| Mua trong năm | 447.540.000 | - | 447.540.000 |
| Giảm trong năm | - | - | - |
| Số cuối năm | 666.540.000 | 30.000.000 | 696.540.000 |
| Khấu hao | | | |
| Số đầu năm | 54.547.219 | 30.000.000 | 84.547.219 |
| Khấu hao trong năm | 134.519.778 | - | 134.519.778 |
| Giảm trong năm | - | - | - |
| Số cuối năm | 189.066.997 | 30.000.000 | 219.066.997 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | 164.452.781 | - | 164.452.781 |
| Số cuối năm | 477.473.003 | - | 477.473.003 |

- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 30.000.000 đồng.

14. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|--------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ | 568.213.579 | 60.495.206 |
| Chi phí ngoại khóa | 114.285.714 | 398.870.718 |
| Chi phí sửa chữa | 230.574.786 | 141.065.623 |
| Chi phí bảo hiểm | 135.474.528 | 139.115.340 |
| Chi phí trả trước khác | 562.511.020 | 669.660.579 |
| Cộng | 1.611.059.627 | 1.409.207.466 |

b. Dài hạn

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|--|----------------------|-----------------------|
| Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 470.388.532 | 658.290.457 |
| Chi phí phân bổ tại 223 Nguyễn Tri Phương | 245.621.077 | 300.997.897 |
| Chi phí phân bổ tại 104/5 Mai Thị Lựu | 2.121.599.719 | 1.996.480.373 |
| Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ (An Đông) | 65.164.160 | 436.952.897 |
| Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần (*) | 6.819.329.787 | 7.008.755.619 |
| Sửa chữa nhà kho tại Bình Dương | 65.805.798 | 137.593.950 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 109.234.234 | 64.613.585 |
| Cộng | 9.897.143.307 | 10.603.684.778 |

(*) Thuê 20.606 m² đất tại KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|--|--------------------|--------------------|
| Tư vấn pháp lý quyền sử dụng đất tại 223 Nguyễn Tri Phương | 300.000.000 | - |
| Tư vấn pháp lý công trình 104/5 Mai Thị Lựu | 400.000.000 | 400.000.000 |
| Tư vấn xây dựng hệ thống thang băng lương | 203.636.364 | - |
| Cộng | 903.636.364 | 400.000.000 |

16. Phải trả người bán ngắn hạn

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội | 3.350.120.272 | 133.154.861 |
| Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh | 1.391.710.334 | - |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh | 234.406.808 | - |
| Các đối tượng khác | 26.998.547.488 | 11.487.364.924 |
| Cộng | 31.974.784.902 | 11.620.519.785 |

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

| | Mối quan hệ | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|--|----------------------|---------------|-------------|
| Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh | Chung công ty đầu tư | 1.391.710.334 | - |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh | Chung công ty đầu tư | 234.406.808 | - |
| Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định | Chung công ty đầu tư | 114.740.100 | 114.740.100 |
| Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông | Chung công ty đầu tư | 111.274.220 | 83.970.252 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam | Chung công ty đầu tư | 106.936.909 | - |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội | Chung công ty đầu tư | 3.350.120.272 | 133.154.861 |
| Công ty CP Sách Dân tộc | Chung công ty đầu tư | 78.462.925 | 40.313.575 |
| Công ty CP Học Liệu | Chung công ty đầu tư | 63.963.200 | - |

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Đầu kỳ | | Số phải nộp trong kỳ | Số thực nộp trong kỳ | Số cuối kỳ | |
|-----------------------------|----------------------|-------------------|-------------------------|-------------------------|----------------------|----------|
| | Phải nộp | Phải thu | | | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế giá trị gia tăng | 537.962.850 | - | 4.538.085.811 | 4.203.885.653 | 872.163.008 | - |
| Thuế nhập khẩu | - | - | 9.716.434 | 9.716.434 | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 37.666.520 | 2.006.286.550 | 1.783.873.974 | 184.746.056 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 493.961.349 | - | 2.615.524.186 | 2.163.292.123 | 946.193.412 | - |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | - | - | 8.190.934.755 | 8.190.934.755 | - | - |
| Các loại thuế khác | - | 2.000.000 | 11.000.000 | 9.000.000 | - | - |
| Cộng | 1.031.924.199 | 39.666.520 | 17.371.547.736 | 16.360.702.939 | 2.003.102.476 | - |

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|---|----------------------|----------------------|
| Trích trước chiết khấu thanh toán nhanh, hoa hồng | 5.014.721.672 | 2.018.741.306 |
| Trích trước chi phí khác | 70.000.000 | 70.000.000 |
| Cộng | 5.084.721.672 | 2.088.741.306 |

19. Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|--|--------------------|--------------------|
| Kinh phí công đoàn | 9.119.318 | 5.930.290 |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 241.000.000 | 224.000.000 |
| Cổ tức phải trả | 17.677.557 | 19.107.557 |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 544.995.578 | 399.050.097 |
| - Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | 508.223.400 | 371.562.600 |
| - Phải trả khác | 36.772.178 | 27.487.497 |
| Cộng | 812.792.453 | 648.087.944 |

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Vốn khác của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | LNST chưa phân phối |
|--------------------------|---------------------------|-----------------------|-------------------------|-----------------------|----------------------|
| Số tại 01/01/2019 | 56.655.300.000 | 13.761.696.224 | 6.538.767.315 | 26.474.012.931 | 7.710.502.129 |
| Tăng trong năm | - | - | - | 4.167.149.848 | 15.472.731.115 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - | 15.424.246.267 |
| Số tại 31/12/2019 | 56.655.300.000 | 13.761.696.224 | 6.538.767.315 | 30.641.162.779 | 7.758.986.977 |
| Số tại 01/01/2020 | 56.655.300.000 | 13.761.696.224 | 6.538.767.315 | 30.641.162.779 | 7.758.986.977 |
| Tăng trong năm | - | - | - | 5.387.552.114 | 17.087.924.318 |
| Giảm trong năm | - | - | - | - | 17.067.722.295 |
| Số tại 31/12/2020 | 56.655.300.000 | 13.761.696.224 | 6.538.767.315 | 36.028.714.893 | 7.779.189.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Cổ phiếu

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|--|------------|------------|
| | Cổ phiếu | Cổ phiếu |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 5.665.530 | 5.665.530 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 5.665.530 | 5.665.530 |
| - Cổ phiếu thường | 5.665.530 | 5.665.530 |
| - Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu) | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 5.665.530 | 5.665.530 |
| - Cổ phiếu thường | 5.665.530 | 5.665.530 |
| - Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu) | - | - |
| Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND | | |

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|--|----------------------|----------------------|
| Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang | 7.758.986.977 | 7.710.502.129 |
| Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ | 17.087.924.318 | 15.472.731.115 |
| Phân phối lợi nhuận | 17.067.722.295 | 15.424.246.267 |
| - Phân phối lợi nhuận năm trước (*) | 7.365.189.000 | 7.365.189.000 |
| + Chia cổ tức | 7.365.189.000 | 7.365.189.000 |
| - Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này | 9.702.533.295 | 8.059.057.267 |
| + Trích quỹ đầu tư phát triển | 5.387.552.114 | 4.167.149.848 |
| + Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | 3.464.798.440 | 3.123.084.829 |
| + Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành | 850.182.741 | 768.822.590 |
| Lợi nhuận chưa phân phối cuối kỳ | 7.779.189.000 | 7.758.986.977 |

(*) Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 19/06/2020.

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 19/06/2020 đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền với tỷ lệ 13%, tương ứng 7.365.189.000 đồng. Công ty đã chi trả toàn bộ số cổ tức này trong năm 2020.

21. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|---|----------------------|----------------------|
| Lợi ích của cổ đông không kiểm soát đầu kỳ | 2.896.380.487 | 2.896.380.487 |
| Điều chỉnh LICDTS năm trước | - | - |
| Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tăng trong kỳ | 427.835.749 | 413.272.586 |
| Lợi ích của cổ đông không kiểm soát giảm trong kỳ | 427.835.749 | 413.272.586 |
| - Giảm do chia cổ tức | 370.500.000 | 370.500.000 |
| - Giảm do trích quỹ KTPL | 57.335.749 | 42.772.586 |
| Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày cuối kỳ | 2.896.380.487 | 2.896.380.487 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|--------------------|------------|------------|
| | USD | USD |
| Tiền gửi ngân hàng | 324,62 | 499,62 |

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu bán sách và sản phẩm in | 218.600.707.231 | 206.338.991.118 |
| Doanh thu thiết bị giáo dục | 243.872.792.414 | 177.676.082.056 |
| Doanh thu hoạt động dạy học | 23.612.174.476 | 25.564.637.068 |
| Doanh thu khác | 3.457.179.601 | 3.030.026.709 |
| Cộng | 489.542.853.722 | 412.609.736.951 |

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|---------------------|----------------------|----------------------|
| Hàng bán bị trả lại | 1.904.703.060 | 2.776.500.049 |
| Cộng | 1.904.703.060 | 2.776.500.049 |

25. Giá vốn hàng bán

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| Giá vốn sách và sản phẩm in | 195.959.993.976 | 183.529.235.766 |
| Giá vốn thiết bị giáo dục | 160.811.020.265 | 116.804.691.616 |
| Giá vốn hoạt động dạy học | 16.524.604.026 | 17.204.204.110 |
| Giá vốn khác | 3.423.032.665 | 2.373.110.402 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (135.608.348) | (328.962.644) |
| Cộng | 376.583.042.584 | 319.582.279.250 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|--|----------------------|--------------------|
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay | 755.929.093 | 495.867.637 |
| Cổ tức, lợi nhuận nhận được chia | 58.800.000 | 58.800.000 |
| Chiết khấu thanh toán được hưởng | 347.251.551 | 283.693.223 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ | - | 11.108 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ | 199.112 | 33.819 |
| Cộng | 1.162.179.756 | 838.405.787 |

27. Chi phí tài chính

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|---|-------------------|--------------------|
| Chi phí lãi vay | 19.491.780 | 77.559.346 |
| (Hoàn nhập) Chiết khấu thanh toán phải trả | (3.000.000) | 484.000.000 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ | 5.880 | 14.764 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ | 200.941 | 60.140 |
| Cộng | 16.698.601 | 561.634.250 |

28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Tiền lương, các khoản trích theo lương | 22.094.888.863 | 16.905.552.207 |
| Khấu hao TSCĐ | 552.539.600 | 472.558.393 |
| Chi phí vận chuyển | 4.458.409.073 | 2.959.736.028 |
| Tiền thuê đất | 4.950.367.128 | 3.845.572.272 |
| Chi phí phát triển thị trường, hoa hồng môi giới, phí phát hành | 10.238.373.437 | 6.092.794.173 |
| Các khoản khác | 6.851.342.885 | 2.052.891.274 |
| Cộng | 49.145.920.986 | 32.329.104.347 |

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tiền lương, các khoản trích theo lương | 29.478.550.367 | 24.930.519.516 |
| Khấu hao TSCĐ | 1.125.186.937 | 1.037.437.589 |
| Thù lao HĐQT | 1.016.000.000 | 935.000.000 |
| Tiền thuê đất | 702.170.868 | 663.392.253 |
| Các khoản khác | 12.200.433.630 | 13.598.091.620 |
| Cộng | 44.522.341.802 | 41.164.440.978 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

29. Thu nhập khác

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|---------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Xử lý chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho | 361.023.911 | 227.789.438 |
| Cho thuê mặt bằng | 420.293.520 | 435.013.634 |
| Các khoản khác | 215.696.031 | 58.110.740 |
| Cộng | 997.013.462 | 720.913.812 |

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 19.527.097.123 | 17.750.402.015 |
| - Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa | 26.140.237.444 | 22.601.850.987 |
| - Hoạt động khác không được ưu đãi | (6.613.140.321) | (4.851.448.972) |
| Các khoản điều chỉnh để xác định LN chịu thuế TNDN | 643.439.715 | 418.970.558 |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 727.492.244 | 538.387.726 |
| + Chi phí không được trừ | 727.291.303 | 538.327.586 |
| + Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư tiền gửi | 200.941 | 60.140 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | 84.052.529 | 119.417.168 |
| + Cổ tức được chia | 58.800.000 | 58.800.000 |
| + Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | - | 11.108 |
| + Lợi nhuận đã thực hiện | 25.252.529 | 60.606.060 |
| Tổng thu nhập chịu thuế | 20.170.536.838 | 18.169.372.573 |
| - Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa | 26.451.725.067 | 17.815.974.135 |
| - Hoạt động khác không được ưu đãi | (6.281.188.229) | 353.398.438 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.054.126.307 | 1.852.277.102 |
| - Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa | 1.979.981.061 | 1.781.597.414 |
| - Hoạt động khác không được ưu đãi | 74.145.246 | 70.679.688 |
| Thuế TNDN được giảm giảm 30% theo NQ 116/2020/QH14 (tại Công ty con) | 47.839.757 | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 2.006.286.550 | 1.852.277.102 |
| <i>Trong đó:</i> | | |
| - Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này | 2.006.286.550 | 1.852.277.102 |

31. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|--|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 17.087.924.318 | 15.472.731.115 |
| Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán | (4.314.981.181) | (3.891.907.419) |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | - | - |
| - Điều chỉnh giảm | 4.314.981.181 | 3.891.907.419 |
| LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông | 12.772.943.137 | 11.580.823.696 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ | 5.665.530 | 5.665.530 |
| Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu | 2.255 | 2.044 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm 2020 | Năm 2019 |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 36.579.758.200 | 47.975.629.419 |
| Chi phí nhân công | 72.888.707.413 | 57.730.206.892 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 3.745.491.828 | 3.877.425.310 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 30.524.161.051 | 27.069.580.440 |
| Chi phí khác bằng tiền | 18.766.043.618 | 12.893.442.037 |
| Cộng | 162.504.162.110 | 149.546.284.098 |

33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

| Năm 2020 | Hoạt động dạy học | Thiết bị giáo dục | In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác | Tổng |
|--|--------------------------|--------------------------|---|------------------------|
| Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ | 23.612.174.476 | 243.872.792.414 | 222.057.886.832 | 489.542.853.722 |
| Các khoản giảm trừ | 97.840.000 | 914.274.180 | 892.588.880 | 1.904.703.060 |
| Giá vốn hàng bán | 16.524.604.026 | 160.641.421.915 | 199.417.016.643 | 376.583.042.584 |
| Chi phí bán hàng | - | 38.875.076.454 | 10.270.844.532 | 49.145.920.986 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 5.767.250.526 | 30.655.792.100 | 8.099.299.176 | 44.522.341.802 |
| Chi phí lãi vay thuần | (164.196.262) | (463.864.423) | (108.376.628) | (736.437.313) |
| Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác | - | 83.878.448 | 325.165.394 | 409.043.842 |
| Thu nhập khác | | 183.489.056 | 813.524.406 | 997.013.462 |
| Chi phí khác | | | 2.242.784 | 2.242.784 |
| Lãi (lỗ) trong công ty liên kết | | | | - |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 1.386.676.186 | 13.517.459.692 | 4.622.961.245 | 19.527.097.123 |
| Tài sản và Nợ phải trả tại 31/12/2020 | | | | |
| Phải thu của khách hàng | 1.114.078.368 | 36.605.302.656 | 3.274.779.605 | 40.994.160.629 |
| Hàng tồn kho | 247.611.100 | 36.689.292.046 | 4.857.273.442 | 41.794.176.588 |
| Tài sản cố định | | | | 37.001.173.468 |
| - Tài sản cố định của bộ phận | 589.400.961 | 17.697.323.049 | - | 18.286.724.010 |
| + Nguyên giá | 1.673.390.908 | 37.137.736.853 | - | 38.811.127.761 |
| + Giá trị hao mòn lũy kế | (1.083.989.947) | (19.440.413.804) | - | (20.524.403.751) |
| - Tài sản cố định không phân bổ | | | | 18.714.449.458 |
| + Nguyên giá | | | | 31.570.103.867 |
| + Giá trị hao mòn lũy kế | | | | (12.855.654.409) |
| Tài sản khác không phân bổ | | | | 78.268.251.365 |
| Tổng Tài sản | | | | 198.057.762.050 |
| Phải trả người bán | 323.896.740 | 22.023.143.128 | 9.627.745.034 | 31.974.784.902 |
| Nợ phải trả không phân bổ | | | | 42.422.929.229 |
| Tổng Nợ phải trả | | | | 74.397.714.131 |

T. LINH
S

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

| Năm 2019 | Hoạt động đạy học | Thiết bị giáo dục | In ấn, k.doanh sách và d.vụ khác | Tổng |
|--|----------------------|-----------------------|-------------------------------------|-----------------------|
| Doanh thu bán hàng và CC dịch vụ | 25.564.637.068 | 177.676.082.056 | 209.369.017.827 | 412.609.736.951 |
| Các khoản giảm trừ | 35.876.000 | 1.010.335.237 | 1.730.288.812 | 2.776.500.049 |
| Giá vốn hàng bán | 17.204.204.110 | 116.625.180.971 | 185.752.894.169 | 319.582.279.250 |
| Chi phí bán hàng | - | 23.692.701.033 | 8.636.403.314 | 32.329.104.347 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 6.859.479.580 | 25.140.727.242 | 9.164.234.156 | 41.164.440.978 |
| Chi phí lãi vay thuần | (162.262.076) | (208.773.335) | (47.272.880) | (418.308.291) |
| Lãi (lỗ) hoạt động tài chính khác | - | (3.076.720) | (138.460.034) | (141.536.754) |
| Thu nhập khác | | 171.652.280 | 549.261.532 | 720.913.812 |
| Chi phí khác | | - | 4.695.661 | 4.695.661 |
| Lãi (lỗ) trong công ty liên kết | | | | - |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 1.627.339.454 | 11.584.486.468 | 4.538.576.093 | 17.750.402.015 |

Tài sản và Nợ phải trả tại 31/12/2019

| | | | | |
|----------------------------------|---------------|------------------|---------------|------------------------|
| Phải thu của khách hàng | 946.089.575 | 29.116.157.772 | 3.708.503.729 | 33.770.751.076 |
| Hàng tồn kho | 194.446.351 | 32.650.391.093 | 3.905.296.849 | 36.750.134.293 |
| Tài sản cố định hữu hình | | | | 37.336.175.660 |
| - Tài sản cố định HH của bộ phận | 775.399.202 | 18.798.681.065 | - | 19.574.080.267 |
| + Nguyên giá | 1.673.390.908 | 36.439.361.399 | - | 38.112.752.307 |
| + Giá trị hao mòn lũy kế | (897.991.706) | (17.640.680.334) | - | (18.538.672.040) |
| - Tài sản cố định không phân bổ | - | - | - | 17.762.095.393 |
| + Nguyên giá | - | - | - | 28.857.989.685 |
| + Giá trị hao mòn lũy kế | - | - | - | (11.095.894.292) |
| Tài sản khác không phân bổ | - | - | - | 51.455.289.011 |
| Tổng Tài sản | | | | 159.312.350.040 |
| Phải trả người bán | 320.765.340 | 8.935.236.831 | 2.364.517.614 | 11.620.519.785 |
| Nợ phải trả không phân bổ | - | - | - | 29.439.536.473 |
| Tổng Nợ phải trả | | | | 41.060.056.258 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

34. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Công ty ít phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ. Giao dịch ngoại tệ chủ yếu tại Công ty là thanh toán nợ do nhập khẩu thiết bị. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đánh giá Công ty ít chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Để quản lý rủi ro về tỷ giá, Công ty duy trì các biện pháp như tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai.

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính có gốc ngoại tệ như sau:

| | 31/12/2020 | 01/01/2020 |
|--------------------|------------|------------|
| | USD | USD |
| Tiền gửi ngân hàng | 324,62 | 499,62 |

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa chủ yếu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của nguyên vật liệu, hàng hóa mua vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống đồng thời đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là doanh nghiệp trong nước hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đặc biệt là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các trường học có nguồn kinh phí chủ yếu từ ngân sách Nhà nước. Do đó Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro tín dụng với khách hàng của Công ty ở mức thấp. Để quản lý rủi ro tín dụng, Công ty đã duy trì chính sách nhận tiền đặt cọc của khách hàng ngay sau khi ký hợp đồng hoặc yêu cầu khách hàng thanh toán trước khi nhận hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau

| 31/12/2020 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
|--------------------|-----------------------|-------------------|-----------------------|
| Phải trả người bán | 31.974.784.902 | - | 31.974.784.902 |
| Chi phí phải trả | 5.084.721.672 | - | 5.084.721.672 |
| Phải trả khác | 803.673.135 | - | 803.673.135 |
| Cộng | 37.863.179.709 | - | 37.863.179.709 |
| 01/01/2020 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
| Phải trả người bán | 11.620.519.785 | - | 11.620.519.785 |
| Chi phí phải trả | 2.088.741.306 | - | 2.088.741.306 |
| Phải trả khác | 642.157.654 | 22.000.000 | 664.157.654 |
| Cộng | 14.351.418.745 | 22.000.000 | 14.373.418.745 |

Hiện tại, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

| 31/12/2020 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
|--------------------------------|------------------------|--------------------|------------------------|
| Tiền và khoản tương đương tiền | 61.181.232.260 | - | 61.181.232.260 |
| Phải thu khách hàng | 40.994.160.629 | - | 40.994.160.629 |
| Đầu tư tài chính | 2.538.646.638 | 490.000.000 | 3.028.646.638 |
| Phải thu khác | 131.691.517 | 12.000.000 | 143.691.517 |
| Cộng | 104.845.731.044 | 502.000.000 | 105.347.731.044 |
| 01/01/2020 | Không quá 1 năm | Trên 1 năm | Tổng |
| Tiền và khoản tương đương tiền | 35.319.126.202 | - | 35.319.126.202 |
| Phải thu khách hàng | 33.770.751.076 | - | 33.770.751.076 |
| Đầu tư tài chính | 2.409.278.581 | 490.000.000 | 2.899.278.581 |
| Phải thu khác | 118.021.858 | 12.000.000 | 130.021.858 |
| Cộng | 71.617.177.717 | 502.000.000 | 72.119.177.717 |

35. Các cam kết thuê hoạt động

Đến thời điểm 31/12/2020, Công ty có các cam kết thuê hoạt động như sau:

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 2490/HĐ-TNMT-QLSDĐ ngày 24/03/2016 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.182,4 m² đất tại 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; tiền thuê đất trả hàng năm; Thời gian thuê: 50 năm;
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 31/HĐTĐ/ST3 ngày 26/12/2006 về việc thuê 20.606 m² đất ở KCN Sóng Thần, Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055;

0010
CÔNG
T. N.
TÀI
A
40-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- ✓ Hợp đồng thuê đất số 5109/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 26/06/2008 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.649 m² đất tại 122 Phan Văn Trị, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng mộc – nay là Xí nghiệp đồ dùng dạy học và cửa hàng kinh doanh; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 6170/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 21/08/2009 với Sở Địa chính Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 2.875 m² đất tại 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho hàng và cửa hàng kinh doanh; thời gian thuê: 50 năm; tiền thuê đất trả hàng năm.
- ✓ Hợp đồng thuê đất số 8651/HĐ-TNMT-ĐKKTD ngày 27/11/2009 với Sở Tài nguyên và Môi trường Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.423 m² đất tại 780 Nguyễn Kiệm, Phường 4, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh để xây dựng phân xưởng cơ khí và sơn tĩnh điện (là Xí nghiệp thiết bị trường học, nay đã chuyển về Khu công nghiệp Sóng Thần, hiện tại diện tích đất này đang được sử dụng làm cửa hàng kinh doanh); tiền thuê đất trả hàng năm.

36. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

| Công ty liên quan | Mối quan hệ |
|---|----------------------|
| Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam | Công ty đầu tư |
| Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh | Công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách Giáo dục TP Hồ Chí Minh | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Học Liệu | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách Dân Tộc | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định | Công ty nhận đầu tư |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Tiền Giang | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long | Chung công ty đầu tư |
| Công ty CP Sách Thiết bị Trường học TP. Cần Thơ | Chung công ty đầu tư |

10707
IG TY
H.H
Á KẾT
C
TP.ĐH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong kỳ

| Giao dịch | Nội dung | Năm 2020 | Năm 2019 |
|---|-----------------------------------|----------------|-----------------|
| Mua hàng | | | |
| Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam | Phí nhãn hiệu | 51.504.818 | 51.504.818 |
| Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh | Phí quản lý, tem, khác | 1.600.373.576 | - |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam | Sách giáo khoa, Sách tham khảo | 92.880.404.174 | 105.901.131.070 |
| Công ty CP Học Liệu | Băng đĩa GD | 211.309.000 | 36.137.500 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam | Sách bài tập, Sách tham khảo, VHP | 73.917.071.854 | 46.941.647.323 |
| Công ty CP Sách Dân Tộc | Sách tham khảo | 123.149.350 | 131.148.110 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội | Sách tham khảo | 15.831.628.636 | 18.559.695.275 |
| Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh | Sách tham khảo | 943.189.450 | - |
| Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông | Sách tham khảo | 184.274.220 | - |
| Bán hàng | | | |
| Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam | Thiết bị | 61.640.998 | 158.212.400 |
| Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh | Sách, thiết bị | 31.168.566 | 111.823.721 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam | Sách, thiết bị | 11.065.320.350 | 6.777.707.794 |
| Công ty CP Học Liệu | Thiết bị | 13.889.074 | 556.836.138 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam | Sách, thiết bị, đĩa | 14.305.328.437 | 6.149.204.548 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Định | Thiết bị | 848.169.444 | 148.974.498 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận | Thiết bị | 2.192.292.687 | 1.633.018.250 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung | Sách tham khảo | 4.406.002.825 | 2.171.287.804 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội | Thiết bị | 7.703.165.227 | - |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc | Thiết bị | 9.492.533.318 | 600.798.424 |
| Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long | Thiết bị | 2.273.713.651 | 236.296.435 |
| Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng | Thiết bị | 3.953.447.456 | - |

c. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

| | Nội dung | Năm 2020 | Năm 2019 |
|-------------------|----------|---------------|---------------|
| Hội đồng quản trị | Thù lao | 748.339.200 | 812.237.400 |
| Ban Tổng Giám đốc | Thu nhập | 2.828.030.100 | 2.339.066.600 |

37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Công ty đã chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt với tỷ lệ 13% vào ngày 18/01/2021; Thời gian thực hiện ngày 28/01/2021.

Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

38. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi AAC.



Tổng Giám đốc

Từ Trung Đan

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

Người lập biểu

Võ Thị Ngọc Hoanh





Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2021

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



TỪ TRUNG ĐẠN